

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	180001	NGUYỄN HUỲNH AN	Nữ	11/04/2010	9.3	9.26	9.34	9.26	9.29	6.00	3.75	6.25	0.0	0.0	13.99	
2	180002	NGUYỄN NGỌC GIA AN	Nữ	09/06/2010	7.28	6.95	7.43	6.79	7.11	5.75	2.25	3.25	0.0	0.0	10.01	
3	180003	NGUYỄN THÁI GIA AN	Nam	08/02/2010	9.41	9.4	9.51	9.25	9.39	7.50	6.50	8.00	0.0	0.0	18.22	
4	180004	NGUYỄN THỊ TƯỜNG AN	Nữ	25/08/2010	6.91	6.38	8.03	6.61	6.98	3.50	4.50	3.00	0.0	0.0	9.79	
5	180005	PHAN LÊ MAI AN	Nữ	29/07/2010	8.54	8.8	8.96	8.81	8.78	7.75	7.00	8.00	0.0	0.0	18.56	
6	180006	TRẦN TUẤN AN	Nam	15/03/2010	8.73	9.14	8.75	8.51	8.78	5.75	4.75	4.00	0.0	0.0	12.78	
7	180007	VÕ THỊ QUẾ AN	Nữ	11/08/2010	7.53	7.55	8.01	7.93	7.76	5.25	1.50	3.75	0.0	0.0	9.68	
8	180008	DƯƠNG NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	16/01/2010	9.63	9.86	9.88	9.81	9.8	7.75	9.00	7.75	0.0	1.0	21.09	
9	180009	DƯƠNG THỊ TRÂM ANH	Nữ	30/12/2010	8.3	8.38	8.55	8.33	8.39	6.25	2.50	7.00	0.0	0.0	13.54	
10	180010	LÊ HUỲNH ANH	Nữ	03/03/2010	8.98	8.08	8.68	8.53	8.57	5.25	4.25	5.25	0.0	0.0	12.90	
11	180011	LÊ NGỌC TRÂM ANH	Nữ	16/01/2010	8.75	9.2	9.19	8.9	9.01	7.50	7.00	8.00	0.0	0.0	18.45	
12	180012	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	Nữ	25/03/2010	9.26	9.51	9.23	8.88	9.22	5.00	2.75	4.25	0.0	0.0	11.17	
13	180013	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	02/03/2010	8.19	8.01	8.76	9.13	8.52	6.50	5.75	7.25	0.0	0.0	16.21	
14	180014	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	20/10/2010	9.05	9.53	9.41	9.29	9.32	6.50	6.25	5.25	0.0	0.0	15.40	
15	180015	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	27/10/2010	8.39	8.61	8.79	8.33	8.53	6.00	4.00	4.25	0.0	0.0	12.53	
16	180016	NGUYỄN THỊ THÚY ANH	Nữ	03/02/2010	7.98	8.43	8.68	8.1	8.3	5.75	2.00	4.00	0.0	0.0	10.72	
17	180017	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	23/03/2010	8.75	8.94	9.33	9.3	9.08	6.00	6.50	6.25	0.0	0.0	15.85	
18	180018	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	Nữ	26/07/2010	8.6	8.19	8.13	7.76	8.17	4.25	3.50	4.75	0.0	0.0	11.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
19	180019	NGUYỄN TÚ VÂN ANH	Nữ	17/10/2010	9.05	9	9.45	9.28	9.2	7.00	5.00	4.75	0.0	0.0	14.49	
20	180020	PHẠM VÕ TÙNG ANH	Nam	05/07/2009	6.5	6.26	7.54	7.83	7.03	5.75	6.25	4.50	0.0	0.0	13.66	
21	180021	PHÙNG NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	03/08/2010	9.41	9.66	9.54	9.43	9.51	6.25	7.25	6.50	0.0	0.0	16.85	
22	180022	THÁI TRÚC ANH	Nữ	23/02/2010	9.25	8.81	8.64	8.26	8.74	3.25	2.75	3.25	0.0	0.0	9.10	
23	180023	TRẦN DANH TUẤN ANH	Nam	14/04/2010	9.64	9.71	9.39	9.64	9.6	7.25	8.25	7.00	0.0	0.0	18.63	
24	180024	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/08/2010	8.84	9.14	9.11	9.09	9.05	5.50	4.25	6.75	0.0	0.0	14.27	
25	180025	VÕ BẢO TRÂM ANH	Nữ	04/06/2010	9.14	8.75	9	8.85	8.94	5.75	6.25	7.25	0.0	0.0	16.16	
26	180026	VÕ HUỖNH KIM MINH ANH	Nữ	22/06/2010	9	8.78	8.76	8.65	8.8	5.50	2.00	2.00	0.0	0.0	9.29	
27	180027	VÕ MINH ANH	Nữ	29/01/2010	8.59	8.76	8.66	8.3	8.58	5.25	5.25	6.25	0.0	0.0	14.30	
28	180028	VƯƠNG NGỌC LAN ANH	Nữ	21/07/2010	9.16	9.23	9.53	9.25	9.29	6.25	5.50	8.00	0.0	0.0	16.61	
29	180029	ĐẶNG KHẢ ÁI	Nữ	14/10/2010	7.21	7.18	7.33	7.53	7.31	5.25	3.25	5.75	0.0	0.0	12.17	
30	180030	NGUYỄN THỊ MỸ ÁI	Nữ	20/07/2010	6.64	6.86	7.35	7.11	6.99	3.50	0.25	2.25	0.0	0.0	6.30	Liệt
31	180031	ĐẶNG THỪA ẮN	Nam	27/04/2010	6.79	6.61	7.31	7.1	6.95	1.25	1.25	2.50	0.0	0.0	5.59	
32	180032	ĐỒNG DƯƠNG THIÊN BẢO	Nam	07/01/2010	9.81	9.49	9.63	9.16	9.52	7.75	7.00	8.50	0.0	0.0	19.13	
33	180033	LÊ HOÀNG GIA BẢO	Nam	20/10/2010	6.68	7.08	7.83	6.59	7.05	2.75	4.50	3.75	0.0	0.0	9.82	
34	180034	LÊ TRẦN ANH BẢO	Nam	15/03/2010	9.14	8.79	8.68	8.66	8.82	6.25	4.00	6.25	0.0	0.0	14.20	
35	180035	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	04/06/2010	6.99	6.71	7.41	6.69	6.95	5.33	4.50	4.00	0.0	0.0	11.77	
36	180036	NGUYỄN HUỖNH GIA BẢO	Nam	14/05/2010	7.2	6.99	7.75	7.99	7.48	5.00	4.50	2.50	0.0	0.0	10.64	
37	180037	NGUYỄN LÝ QUỐC BẢO	Nam	22/11/2010	7.41	6.05	7.64	8.39	7.37	5.25	4.75	5.00	0.0	0.0	12.71	
38	180038	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	18/03/2010	8.26	7.74	8.39	7.65	8.01	3.75	1.50	3.50	0.0	0.0	8.53	
39	180039	NGUYỄN THIÊN BẢO	Nam	06/07/2010	7.59	7.13	7.45	6.54	7.18	3.00	2.00	2.75	0.0	0.0	7.58	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
40	180040	NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	Nam	22/10/2010	8.48	8.14	9	9.21	8.71	6.25	6.75	6.50	0.0	0.0	16.26	
41	180041	PHAN THÁCH THIÊN BẢO	Nam	28/06/2010	9.13	7.94	8	7.84	8.23	5.25	1.25	4.00	0.0	0.0	9.82	
42	180042	PHẠM GIA BẢO	Nam	22/05/2010	8.55	6.49	7.38	7.03	7.36	3.00	2.00	2.50	0.0	0.0	7.46	
43	180043	PHẠM TRƯỜNG BẢO	Nam	03/11/2010	7.43	7.34	6.86	6.38	7	4.25	5.00	4.25	0.0	0.0	11.55	
44	180044	TRẦN DUY BẢO	Nam	29/12/2010	6.46	6.3	6.45	7.31	6.63	2.75	0.00	2.25	0.0	0.0	5.49	Liệt
45	180045	TRẦN GIA BẢO	Nam	05/06/2010	7.38	6.54	6.98	7.59	7.12	3.75	1.50	2.50	0.0	0.0	7.56	
46	180046	TRẦN GIA BẢO	Nam	15/03/2010	6.98	6.84	7.35	7.84	7.25	3.25	3.25	3.50	0.0	0.0	9.18	
47	180047	TRẦN NGUYỄN BẢO	Nam	04/09/2010	9.45	9.5	9.28	8.96	9.3	6.50	8.75	8.25	0.0	0.0	19.24	
48	180048	TRẦN VŨ BẢO	Nam	15/03/2010	6.83	6.96	7.08	7.48	7.09	2.25	2.50	2.50	0.0	0.0	7.20	
49	180049	TRƯƠNG THÁI BẢO	Nam	16/01/2010	6.76	7.13	7.33	7.53	7.19	4.50	1.00	3.75	0.0	0.0	8.63	
50	180050	LẠI NHƯ HOÀI BĂNG	Nữ	16/03/2010	7.21	7.41	7.09	6.66	7.09	2.75	0.50	3.25	0.0	0.0	6.68	Liệt
51	180051	LÊ ÁNH BĂNG	Nữ	29/01/2010	9.16	9.58	9.58	9.55	9.47	6.75	5.50	5.75	0.0	0.0	15.44	
52	180052	ĐẶNG THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	25/10/2010	8.33	7.48	8.33	7.6	7.94	6.00	2.75	2.50	0.0	0.0	10.26	
53	180053	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	05/05/2010	8.61	7.69	7.89	7.84	8.01	7.50	6.25	7.50	0.0	0.0	17.28	
54	180054	NGUYỄN THỊ HẢI CHÂU	Nữ	16/07/2010	9.61	9.7	9.78	9.68	9.69	7.50	5.75	8.75	0.0	0.0	18.31	
55	180055	PHAN HOÀNG CHÂU	Nữ	28/03/2010	9.38	9.2	9.16	9.04	9.2	7.25	3.75	5.25	0.0	0.0	14.14	
56	180056	NGUYỄN ĐẶNG TRƯỜNG CHÍNH	Nam	01/05/2010	8.01	8.9	9.06	8.75	8.68	4.50	2.00	5.25	0.0	0.0	10.83	
57	180057	CAO CHÍ CƯỜNG	Nam	12/12/2010	7.69	6.83	7.91	6.95	7.35	3.75	5.25	4.50	0.0	0.0	11.66	
58	180058	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	Nam	10/11/2010	6.45	7.23	7.71	8.14	7.38	3.25	3.50	7.00	0.0	0.0	11.84	
59	180059	PHẠM CHÍ CƯỜNG	Nam	08/07/2010	8.18	8.18	8.44	8.79	8.4	5.00	4.00	6.75	0.0	0.0	13.55	
60	180060	TRẦN QUỐC CƯỜNG	Nam	03/07/2010	5.59	7.3	6.29	5.7	6.22	1.75	2.50	3.75	0.0	0.0	7.47	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
61	180061	CAO THÀNH DANH	Nam	14/01/2010	7.25	7.3	7.81	8.23	7.65	4.75	2.50	3.75	0.0	0.0	10.00	
62	180062	NGUYỄN THÀNH DANH	Nam	17/04/2010	6.25	6.5	7.2	7.33	6.82	3.50	1.00	2.75	0.0	0.0	7.12	
63	180063	BIỆN NGỌC DIỄM	Nữ	23/12/2010	9.48	9.39	8.74	9.3	9.23	6.25	5.75	6.75	0.0	0.0	15.89	
64	180064	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	05/10/2010	8.58	8.83	9.38	9.03	8.96	6.00	5.00	2.50	0.0	0.0	12.14	
65	180065	TRƯƠNG LÊ QUANG DUẨN	Nam	26/04/2010	7.3	6.5	7.25	7.21	7.07	3.50	2.00	3.50	0.0	0.0	8.42	
66	180066	ĐỖ THỊ THẢO DUNG	Nữ	21/11/2010	7.93	8.54	8.26	8.26	8.25	5.00	3.25	4.25	0.0	0.0	11.23	
67	180067	TRẦN THỊ BÉ DUNG	Nữ	24/04/2010	8.16	8.64	8.45	8.38	8.41	3.00	2.25	2.50	0.0	0.0	7.95	
68	180068	VÕ HOÀNG PHƯƠNG DUNG	Nữ	05/08/2010	9.08	9.09	9.14	8.8	9.03	8.00	6.25	7.25	0.0	0.0	17.76	
69	180069	NGUYỄN HÀ ANH DUY	Nam	23/02/2010	7.89	8.29	8.76	8.36	8.33	7.50	6.00	5.75	0.0	0.0	15.97	
70	180070	NGUYỄN TRIỆU DUY	Nữ	20/03/2010	9.38	9.58	9.51	9.61	9.52	7.75	7.75	8.25	0.0	0.0	19.48	
71	180071	HỒNG MỸ DUYÊN	Nữ	31/08/2010	9	9.29	9.06	9.11	9.12	3.50	5.75	6.25	0.0	0.0	13.59	
72	180072	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	26/08/2010	5.81	6.19	6.18	7.18	6.34	4.25	1.00	2.00	0.0	0.0	6.98	
73	180073	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	Nữ	02/03/2010	9.05	8.73	9.16	9.35	9.07	6.75	5.50	4.75	0.0	0.0	14.62	
74	180074	VÕ MỸ DUYÊN	Nữ	06/01/2010	9.34	8.96	9.28	9.11	9.17	6.75	6.50	5.75	0.0	0.0	16.05	
75	180075	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	04/07/2010	8.71	9.28	9.45	9.23	9.17	4.50	4.25	3.75	0.0	0.0	11.50	
76	180076	BÙI TUẤN DŨ	Nam	10/08/2010	6.51	6.14	6.21	6.28	6.29	0.25	0.75	4.00	0.0	0.0	5.39	Liệt
77	180077	LÊ MẠNH DŨNG	Nam	10/02/2010	9.7	9.88	9.86	9.8	9.81	7.75	9.00	9.25	0.0	0.0	21.14	
78	180078	TRẦN TRÍ DŨNG	Nam	31/03/2010	8.18	8.39	8.8	8.35	8.43	7.00	5.75	6.00	0.0	0.0	15.65	
79	180079	VÕ TRUNG DŨNG	Nam	29/05/2009	7.71	7.71	7.2	7.76	7.6	4.00	2.00	4.00	0.0	0.0	9.28	
80	180080	CAO THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	04/03/2010	6.25	7.04	7.75	7.88	7.23	1.75	1.25	3.50	0.0	0.0	6.72	
81	180081	ĐỒNG QUỐC DƯƠNG	Nam	22/07/2010	7.2	6.59	7.31	6.73	6.96	3.50	6.00	3.50	0.0	0.0	11.19	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
82	180082	ĐỖ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	28/02/2010	8.74	8.89	8.8	8.83	8.82	6.50	5.00	5.25	0.0	0.0	14.37	
83	180083	NGUYỄN HOÀI DƯƠNG	Nam	20/03/2010	6.51	6.16	6.75	6.88	6.58	5.25	2.50	2.25	0.0	0.0	8.97	
84	180084	NGUYỄN NHẬT DƯƠNG	Nam	12/12/2010	7.11	7.09	7.89	7.93	7.51	3.75	2.25	4.75	0.0	0.0	9.78	
85	180085	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	28/06/2010	9.64	9.53	9.58	9.54	9.57	6.25	6.00	9.00	0.0	0.0	17.75	
86	180086	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	16/08/2010	9.11	9.23	8.98	9.31	9.16	7.00	5.75	6.25	0.0	0.0	16.05	
87	180087	NGUYỄN KHÁNH ĐAN	Nam	30/06/2010	5.94	6.55	6.9	6.03	6.36	3.25	1.25	3.75	0.0	0.0	7.68	
88	180088	PHẠM THỊ HẢI ĐAN	Nữ	15/11/2010	9.35	9.53	9.58	9.51	9.49	6.50	6.75	6.00	0.0	0.0	16.32	
89	180089	BÙI THANH ĐẠT	Nam	06/08/2009	7.4	9.08	8.85	7.68	8.25	5.25	5.75	5.25	0.0	0.0	13.85	
90	180090	LÂM NGỌC ĐẠT	Nam	28/06/2010	8.83	8.74	8.8	8.3	8.67	6.50	5.75	7.00	0.0	0.0	16.08	
91	180091	LÊ ANH ĐẠT	Nam	04/04/2010	6.66	5.81	5.96	6.54	6.24	4.50	2.50	3.50	0.0	0.0	9.22	
92	180092	LÊ MINH ĐẠT	Nam	13/08/2010	6.11	6.8	7.9	8.06	7.22	4.25	3.25	5.00	0.0	0.0	10.92	
93	180093	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	Nam	30/08/2009	8.05	7.98	8.63	7.65	8.08	5.50	5.25	4.25	0.0	0.0	12.92	
94	180094	PHẠM QUANG ĐẠT	Nam	07/06/2010	6.65	6.03	7.36	7.38	6.86	4.75	1.00	2.75	0.0	0.0	8.01	
95	180095	PHẠM QUỐC ĐẠT	Nam	05/05/2010	7.63	7.53	7.6	7.81	7.64	3.50	2.00	3.75	0.0	0.0	8.77	
96	180096	PHẠM TẤN ĐẠT	Nam	06/01/2010	7.43	6.36	7.1	7.45	7.09	3.00	0.00	7.25	0.0	0.0	9.30	Liệt
97	180097	TRẦN TẤN ĐẠT	Nam	07/12/2010	7.58	6.98	6.61	6.43	6.9	3.75	4.50	3.25	0.0	0.0	10.12	
98	180098	NGUYỄN HUY ĐĂNG	Nam	12/06/2010	5.68	5.44	6.64	6.48	6.06	5.50	4.25	3.25	0.0	0.0	10.92	
99	180099	NGUYỄN MINH ĐĂNG	Nam	20/11/2010	7.28	6.51	7.56	7.81	7.29	2.00	2.50	2.75	0.0	0.0	7.26	
100	180100	PHẠM THANH HẢI ĐĂNG	Nam	15/05/2010	8.43	8.08	8.3	8.48	8.32	6.00	4.75	4.25	0.0	0.0	13.00	
101	180101	TRẦN ĐÌNH ĐĂNG	Nam	10/08/2010	9.29	8.53	8.66	8.28	8.69	6.00	6.25	6.00	0.0	0.0	15.38	
102	180102	TRẦN HẢI ĐĂNG	Nam	29/04/2010	7.76	8.03	8.43	7.58	7.95	5.25	6.25	4.50	0.0	0.0	13.59	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
103	180103	TRẦN NGUYỄN KHÁNH ĐOAN	Nữ	04/02/2010	7.83	7.06	7.23	7.51	7.41	4.50	4.75	3.50	0.0	0.0	11.15	
104	180104	TRẦN HOÀNG RẠNG ĐÔNG	Nữ	26/12/2010	7.66	8.24	8.7	8.53	8.28	6.75	2.00	6.25	0.0	0.0	12.98	
105	180105	VÕ HOÀNG LI EN	Nữ	20/07/2010	8.31	7.79	8.55	8.39	8.26	7.25	6.50	8.75	0.0	0.0	18.23	
106	180106	LÂM BÁ GIANG	Nam	25/10/2009	9.25	9.41	9.21	9.24	9.28	7.50	6.00	9.00	0.0	0.0	18.53	
107	180107	LIU LINH GIANG	Nữ	18/02/2010	8.39	8.54	8.69	8.64	8.57	5.75	5.75	3.25	0.0	0.0	12.90	
108	180108	NGUYỄN VÔ TRÀ GIANG	Nữ	27/10/2010	9.6	9.7	9.76	9.58	9.66	8.50	8.00	9.75	0.0	0.5	21.77	
109	180109	TRUONG TRUONG GIANG	Nam	01/04/2010	6.96	7.79	7.6	7.05	7.35	4.25	3.25	5.50	0.0	0.0	11.31	
110	180110	HỒ KHÁNH GIÀU	Nam	27/05/2010	6.04	7.48	7.2	6.73	6.86	6.50	2.50	3.00	0.0	0.0	10.46	
111	180111	NGUYỄN NGOC GIÀU	Nam	28/09/2010	5.73	6.26	6.64	6.21	6.21	1.00	1.00	4.75	0.0	0.0	6.59	
112	180112	NGUYỄN NGOC ANH GIÀU	Nam	05/11/2010	6.44	7.71	7	6.54	6.92	3.25	4.75	2.75	0.0	0.0	9.60	
113	180113	HOÀNG BẢO HÀ	Nữ	01/05/2010	9.08	9.25	9.54	9.35	9.31	7.00	7.50	7.25	0.0	0.0	18.02	
114	180114	LÊ THỊ CẨM HÀ	Nữ	14/10/2010	6.29	7.13	7.83	7.11	7.09	6.00	3.00	4.50	0.0	0.0	11.58	
115	180115	LỮ THỊ NGÂN HÀ	Nữ	09/01/2010	7.99	7.93	8.04	7.38	7.84	6.50	4.25	3.50	0.0	0.0	12.33	
116	180116	NGUYỄN HỒ KHÁNH HÀ	Nữ	15/03/2010	7.94	8.95	8.96	8.64	8.62	6.25	6.00	6.00	0.0	0.0	15.36	
117	180117	NGUYỄN NGOC HÀ	Nữ	17/11/2010	8.96	9.35	9.6	9.26	9.29	7.00	5.75	7.50	0.0	0.0	16.96	
118	180118	ĐẶNG NHỰT Hào	Nam	13/03/2010	6.19	6.34	6.8	6.96	6.57	0.00	1.00	3.00	0.0	0.0	4.77	Liệt
119	180119	HOÀNG VĂN Hào	Nam	06/03/2010	9.6	9.8	9.71	9.79	9.73	7.50	6.75	8.75	0.0	0.0	19.02	
120	180120	HUYNH ANH Hào	Nam	19/12/2010	8.48	7.8	7.71	7.13	7.78	5.00	0.50	1.75	0.0	0.0	7.41	Liệt
121	180121	NGÔ NHẬT Hào	Nam	05/04/2010	7.78	6.95	7.34	6.91	7.25	3.75	0.75	3.25	0.0	0.0	7.60	Liệt
122	180122	TRẦN QUỐC Hào	Nam	24/08/2010	8.24	6.84	7.11	7.3	7.37	5.25	3.25	4.50	0.0	0.0	11.31	
123	180123	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	13/09/2010	8.88	8.86	9.25	9.39	9.1	6.25	7.75	8.50	0.0	0.0	18.48	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
124	180124	NGUYỄN PHI HẢI	Nam	23/03/2010	7.69	7.26	7.33	7.2	7.37	5.00	1.75	4.50	0.0	0.0	10.09	
125	180125	NGUYỄN ĐẶNG DIỆU HẢO	Nữ	21/05/2009	7.45	7.75	8.11	8.54	7.96	5.50	1.25	3.00	0.0	0.0	9.21	
126	180126	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	15/09/2010	8.73	8.69	9.06	9.19	8.92	7.25	6.75	6.25	0.0	0.0	16.85	
127	180127	PHẠM HỒ NGỌC HẠNH	Nữ	06/10/2010	7.59	8.26	8.08	8.19	8.03	6.50	4.00	3.25	0.0	0.0	12.03	
128	180128	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	21/05/2010	7.91	7.56	7.63	7.99	7.77	4.25	1.50	3.25	0.0	0.0	8.63	
129	180129	BÙI THÚY HÂN	Nữ	24/12/2010	8.14	8.04	8.71	9	8.47	6.50	4.75	4.25	0.0	0.0	13.39	
130	180130	CAO NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	27/04/2010	9.3	9.04	9.61	9.3	9.31	7.75	6.75	8.50	0.0	0.0	18.89	
131	180131	HÀ NGỌC HÂN	Nữ	09/06/2010	7.19	7.68	7.88	7.96	7.68	6.00	2.00	4.25	0.0	0.0	10.88	
132	180132	HUỖNH NGỌC HÂN	Nữ	26/03/2010	8.59	8.61	8.74	8.2	8.54	6.00	6.25	7.50	0.0	0.0	16.39	
133	180133	LÂM BẢO HÂN	Nữ	17/09/2010	9.28	9.33	8.8	8.84	9.06	6.00	3.25	8.50	0.0	0.0	15.14	
134	180134	LÊ NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	25/12/2010	9	8.56	8.8	8.44	8.7	6.50	5.50	4.75	0.0	0.0	14.34	
135	180135	LÊ TRẦN KHẢ HÂN	Nữ	05/05/2010	8.69	9.23	9.15	8.2	8.82	6.75	5.75	5.25	0.0	0.0	15.07	
136	180136	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	14/03/2010	7.2	5.91	6.6	6.99	6.68	2.00	1.00	3.50	0.0	0.0	6.55	
137	180137	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	20/01/2010	8.63	9.2	9.23	9.35	9.1	6.75	6.00	5.50	0.0	0.0	15.51	
138	180138	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	21/12/2009	7.85	7.34	7.98	8.41	7.9	5.00	2.00	5.50	0.0	0.0	11.12	
139	180139	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HÂN	Nam	09/09/2010	8.14	7.44	8.51	8.09	8.05	3.50	2.25	4.00	0.0	0.0	9.24	
140	180140	NGUYỄN THỊ MAI HÂN	Nữ	04/04/2010	6.88	6.59	7.26	6.89	6.91	6.00	1.25	3.00	0.0	0.0	9.25	
141	180141	PHAN NGỌC GIA HÂN	Nữ	01/05/2010	9.34	9.39	9.48	8.95	9.29	4.50	5.25	4.00	0.0	0.0	12.41	
142	180142	TẠ NGỌC GIA HÂN	Nữ	15/06/2010	9.23	9.41	9.55	9.46	9.41	7.75	8.50	8.00	0.0	0.0	19.80	
143	180143	TRẦN NGỌC GIA HÂN	Nữ	21/05/2010	7.94	8.65	8.95	7.9	8.36	6.00	2.50	7.50	0.0	0.0	13.71	
144	180144	PHAN VĂN HẬU	Nam	18/03/2010	6.69	6.81	6.88	6.59	6.74	4.25	1.00	3.00	0.0	0.0	7.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
145	180145	HÀ NGỌC HIỀN	Nữ	02/07/2010	9.31	9.5	9.6	9.06	9.37	7.00	6.50	9.00	0.0	0.0	18.56	
146	180146	NGUYỄN MINH HIỀN	Nam	16/07/2010	7.51	7.16	7.73	8.19	7.65	4.67	5.00	5.50	0.0	0.0	12.91	
147	180147	BÙI NGỌC HIẾU	Nam	01/07/2010	8.44	8.74	8.98	8.44	8.65	6.00	5.25	6.00	0.0	0.0	14.67	
148	180148	ĐOÀN LÊ HIẾU	Nam	07/01/2010	7.48	6.36	6.76	6.85	6.86	2.75	2.75	4.25	0.0	0.0	8.88	
149	180149	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	Nam	23/12/2010	7.49	7.6	7.61	7.79	7.62	1.75	2.75	2.75	0.0	0.0	7.36	
150	180150	PHAN THANH HIẾU	Nam	19/06/2010	8.09	8.64	8.75	9.06	8.64	4.17	6.75	5.50	0.0	0.0	14.09	
151	180151	LÝ ĐỖ HOÀNG HOA	Nữ	28/09/2010	7.96	8.99	9.13	9.13	8.8	7.08	7.25	4.75	0.0	0.0	16.00	
152	180152	TRẦN VÕ GIA HOA	Nữ	10/04/2010	6.26	6.14	7.25	7.19	6.71	5.75	1.50	3.00	0.0	0.0	9.19	
153	180153	PHẠM GIA HÒA	Nam	15/05/2010	7.83	7.16	7.99	7.95	7.73	3.25	2.50	3.00	0.0	0.0	8.44	
154	180154	HOÀNG PHI HỒNG	Nam	05/11/2010	6.19	7.24	7.38	6.83	6.91	3.50	0.00	3.75	0.0	0.0	7.15	Liệt
155	180155	NGUYỄN PHI HỎ	Nam	07/09/2010	6.28	6.79	7.05	6.99	6.78	4.50	0.25	3.75	0.0	0.0	7.98	Liệt
156	180156	ĐỖ GIA HUY	Nam	08/09/2010	6.75	6.89	7.11	7.93	7.17	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.15	Liệt
157	180157	HÀ ĐỨC HUY	Nam	30/03/2010	8.08	8.3	8.33	7.7	8.1	5.75	5.25	2.50	0.0	0.0	11.88	
158	180158	LÂM QUỐC HUY	Nam	02/11/2010	6.94	6.19	6.7	6.65	6.62	3.75	1.75	2.50	0.0	0.0	7.59	
159	180159	LÊ GIA HUY	Nam	31/10/2010	7.86	7.26	7.69	8.33	7.79	5.25	4.75	3.50	0.0	0.0	11.79	
160	180160	LÊ MINH HUY	Nam	03/01/2010	8.35	7.79	8.55	8.58	8.32	4.50	1.50	4.75	0.0	0.0	10.02	
161	180161	NGUYỄN GIA HUY	Nam	13/01/2010	7.74	8.76	8.74	8.14	8.35	3.75	5.50	3.50	0.0	0.0	11.43	
162	180162	NGUYỄN THANH HUY	Nam	02/07/2010	7.65	7.39	7.63	7.94	7.65	1.00	3.50	3.75	0.0	0.0	8.07	
163	180163	PHẠM VINH HUY	Nam	27/10/2010	5.98	5.93	6.53	5.74	6.05	5.50	0.25	2.25	0.0	0.0	7.42	Liệt
164	180164	TRẦN GIA HUY	Nam	27/12/2010	9.39	9.04	9.01	8.63	9.02	5.00	4.50	3.50	0.0	0.0	11.81	
165	180165	TRẦN HOÀNG QUỐC HUY	Nam	19/11/2009	6.49	5.99	7.33	7.19	6.75	1.75	2.25	1.75	0.0	0.0	6.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
166	180166	TRẦN QUỐC HUY	Nam	16/01/2010	9.2	9.05	9	8.95	9.05	7.75	Vắng	Vắng	0.0	0.0	8.14	Liệt
167	180167	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỖN	Nữ	22/01/2010	8.91	8.16	8.73	8.56	8.59	6.00	4.00	4.00	0.0	0.0	12.38	
168	180168	NGUYỄN GIA HƯNG	Nam	01/01/2010	9.25	9.08	9.34	9.45	9.28	6.75	7.00	9.50	0.0	0.0	19.06	
169	180169	PHAN THANH HƯNG	Nam	18/03/2010	7.61	7.38	6.94	7.15	7.27	2.00	1.50	3.50	0.0	0.0	7.08	
170	180170	HUỖNH HƯỞNG	Nữ	23/05/2010	8.56	8.48	8.25	8.06	8.34	6.00	4.00	4.75	0.0	0.0	12.83	
171	180171	LÊ THỊ QUỖNH HƯỞNG	Nữ	19/03/2010	7.68	7.94	8.44	7.69	7.94	4.50	5.75	5.25	0.0	0.0	13.23	
172	180172	PHẠM THANH HƯỞNG	Nữ	07/12/2010	7.28	7.83	7.71	7.38	7.55	6.00	0.50	3.25	0.0	0.0	9.09	Liệt
173	180173	BÙI TUẤN KHA	Nam	28/03/2010	6.69	7.7	8.04	8.05	7.62	4.00	1.75	3.25	0.0	0.0	8.59	
174	180174	HỒ BẢO KHA	Nam	06/05/2010	9.29	8.71	9.19	9.19	9.1	5.75	8.00	7.00	0.0	0.0	17.26	
175	180175	LÊ KHA	Nam	18/09/2009	8.34	8.75	8.68	8.51	8.57	5.50	5.00	7.50	0.0	0.0	15.17	
176	180176	NGUYỄN LÊ NHẬT KHA	Nam	03/04/2009	5.6	6.23	5.94	5.86	5.91	2.00	0.50	3.50	0.0	0.0	5.97	Liệt
177	180177	HUỖNH NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	12/10/2010	8.19	8.74	8.59	8.04	8.39	5.00	4.50	5.50	0.0	0.0	13.02	
178	180178	HUỖNH TUẤN KHANG	Nam	01/06/2010	8.28	8.43	9.18	8.88	8.69	6.00	5.75	7.00	0.0	0.0	15.73	
179	180179	LẠI GIA KHANG	Nam	20/07/2010	6.84	7.48	7.74	7.71	7.44	4.25	4.00	4.00	0.0	0.0	10.81	
180	180180	NGUYỄN BẢO KHANG	Nam	16/08/2010	7.46	8.28	8.4	7.64	7.95	6.75	5.75	4.25	0.0	0.0	14.11	
181	180181	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	18/10/2010	8.06	7.94	8.1	7.93	8.01	4.25	1.75	5.75	0.0	0.0	10.63	
182	180182	NGUYỄN TRƯỜNG KHANG	Nam	15/05/2010	8.59	7.6	7.41	8.04	7.91	4.75	5.25	5.25	0.0	0.0	13.05	
183	180183	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	05/08/2010	5.79	5.9	6.46	6.21	6.09	2.50	1.25	3.00	0.0	0.0	6.55	
184	180184	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	27/06/2010	8.88	8.55	8.69	8.81	8.73	4.25	4.25	3.25	0.0	0.0	10.84	
185	180185	PHẠM DUY KHANG	Nam	16/07/2010	6.03	5.46	6	6.15	5.91	3.67	1.25	3.25	0.0	0.0	7.49	
186	180186	PHẠM TẤN KHANG	Nam	10/10/2010	8.4	7.61	7.79	7.93	7.93	5.25	6.00	5.25	0.0	0.0	13.93	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
187	180187	TỔNG HOÀNG KHANG	Nam	21/11/2010	5.58	5.46	5.39	5.11	5.39	2.00	0.00	2.25	0.0	0.0	4.59	Liệt
188	180188	VI BẢO KHANG	Nam	24/04/2010	6.54	6.96	6.63	6.91	6.76	5.25	2.75	4.25	0.0	0.0	10.60	
189	180189	VƯƠNG BẢO KHANG	Nam	20/02/2010	6.63	6.68	7.6	7.69	7.15	5.75	3.50	3.50	0.0	0.0	11.07	
190	180190	VƯƠNG TẤN KHANG	Nam	09/02/2010	7.64	7	7.96	8.16	7.69	4.00	2.25	3.50	0.0	0.0	9.13	
191	180191	NGUYỄN VĂN KHÁ	Nam	03/10/2009	8.38	8.41	8.6	8.58	8.49	6.25	1.50	2.25	0.0	0.0	9.55	
192	180192	ĐẶNG QUANG KHÁNH	Nam	14/07/2010	7.94	7.88	8.56	8.53	8.23	4.75	7.50	4.25	0.0	0.0	14.02	
193	180193	HUỲNH NGÂN KHÁNH	Nữ	02/09/2010	6.81	7.44	7.64	7.16	7.26	5.00	4.25	4.50	0.0	0.0	11.80	
194	180194	NGÔ LÊ QUỐC KHÁNH	Nam	18/08/2010	8.86	8.55	8.46	8.56	8.61	5.50	5.00	2.25	0.0	0.0	11.51	
195	180195	NGUYỄN HUY KHÁNH	Nam	25/06/2010	8.6	8.79	8.88	8.31	8.65	5.25	5.25	4.00	0.0	0.0	12.75	
196	180196	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2010	9.51	9.54	9.63	9.44	9.53	7.75	8.50	7.75	0.0	0.0	19.66	
197	180197	BIỆN MINH KHOA	Nam	21/07/2010	6.75	5.96	6.91	6.85	6.62	4.75	3.50	3.00	0.0	0.0	9.86	
198	180198	HÀ ANH KHOA	Nam	21/03/2010	8.03	8.26	8.69	9.14	8.53	5.75	5.25	6.25	0.0	0.0	14.63	
199	180199	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	14/07/2010	8.89	8.93	9.15	8.99	8.99	6.50	5.50	7.00	0.0	0.0	16.00	
200	180200	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	15/08/2010	7.94	7.76	8.61	8.93	8.31	7.00	5.25	6.75	0.0	0.0	15.79	
201	180201	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	30/05/2010	8.86	8.75	8.81	8.91	8.83	5.00	6.50	6.00	0.0	0.0	14.90	
202	180202	NGUYỄN VÕ ĐĂNG KHOA	Nam	31/05/2010	7.45	7.03	7.13	7.21	7.21	5.25	2.50	4.00	0.0	0.0	10.39	
203	180203	PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	11/06/2010	9.05	8.36	8.5	8.43	8.59	5.25	3.50	6.00	0.0	0.0	12.90	
204	180204	PHẠM VÕ ĐĂNG KHOA	Nam	26/11/2008	6.04	6.56	6.64	6.36	6.4	4.50	0.00	7.00	0.0	0.0	9.97	Liệt
205	180205	TRẦN ANH KHOA	Nam	09/12/2009	7.24	6.93	7.84	6.6	7.15	3.25	1.00	2.50	0.0	0.0	6.87	
206	180206	ĐẶNG VÕ ANH KHÔI	Nam	11/11/2010	8.11	7.64	7.28	6.75	7.45	6.00	5.00	4.50	0.0	0.0	13.09	
207	180207	ĐỖ MINH KHÔI	Nam	27/08/2010	9.08	8.69	9.01	9.33	9.03	7.25	8.50	6.00	0.0	0.0	17.93	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
208	180208	LÊ HỮU KHÔI	Nam	22/11/2010	8.29	8.43	9.13	8.96	8.7	7.50	7.75	9.25	0.0	0.0	19.76	
209	180209	NGUYỄN ANH KHÔI	Nam	10/06/2010	9.28	9.2	8.88	8.33	8.92	5.75	5.75	5.25	0.0	0.0	14.40	
210	180210	NGUYỄN BẢO KHÔI	Nam	03/03/2010	8.65	8.03	8.24	8.2	8.28	5.00	7.25	6.25	0.0	0.0	15.43	
211	180211	NGUYỄN ĐẶNG ĐĂNG KHÔI	Nam	04/08/2010	6.26	6.16	6.51	6.19	6.28	2.25	1.00	3.25	0.0	0.0	6.43	
212	180212	NGUYỄN HỒNG ĐĂNG KHÔI	Nam	07/08/2009	5.59	5.78	7.06	6.31	6.19	4.50	4.25	3.00	0.0	0.0	10.08	
213	180213	NGUYỄN QUỐC ANH KHÔI	Nam	04/09/2010	6.6	7.36	7.55	7.14	7.16	5.50	2.50	4.50	0.0	0.0	10.90	
214	180214	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	09/08/2010	9.3	9.64	9.71	9.63	9.57	8.00	6.75	6.75	0.0	0.0	17.92	
215	180215	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	20/06/2010	7.91	8.24	8.11	8.43	8.17	5.75	6.25	4.50	0.0	0.0	14.00	
216	180216	PHẠM HOÀNG ANH KIẾT	Nam	09/06/2010	7.91	8.18	8.81	8.28	8.3	7.00	5.25	5.50	0.0	0.0	14.92	
217	180217	CAO NGỌC THIÊN KIM	Nữ	03/05/2010	8.74	8.99	9.46	9.19	9.1	5.00	4.25	7.25	0.0	0.0	14.28	
218	180218	LÝ NGỌC KIM	Nữ	30/04/2010	8.91	7.95	7.39	7.34	7.9	4.00	1.00	3.75	1.0	0.0	9.50	
219	180219	NGUYỄN NGỌC THUYỀN KIM	Nữ	28/10/2010	8.06	7.79	8.84	9.04	8.43	6.75	6.25	4.25	0.0	0.0	14.60	
220	180220	NGUYỄN VÕ THƯ KỲ	Nữ	29/06/2010	6.78	6.7	6.74	7.83	7.01	1.75	1.50	2.75	0.0	0.0	6.30	
221	180221	NGUYỄN QUỲNH LAM	Nữ	29/07/2010	8.73	8.64	7.34	6.8	7.88	7.50	1.50	3.50	0.0	0.0	11.11	
222	180222	TRẦN TRÚC LAM	Nữ	05/07/2010	6.9	7.69	7.91	7.58	7.52	6.50	5.50	4.25	0.0	0.0	13.63	
223	180223	ĐỖ THỊ NGỌC LAN	Nữ	15/02/2010	5.9	7.35	7.45	7.2	6.98	6.00	4.25	3.25	0.0	0.0	11.54	
224	180224	PHẠM NGỌC NHƯ LAN	Nữ	15/10/2010	7.29	6.3	7.24	6.43	6.82	2.50	0.50	3.75	0.0	0.0	6.77	Liệt
225	180225	BÙI NHẬT LÂM	Nam	10/12/2010	6.33	5.26	5.99	5.6	5.8	3.25	0.00	3.50	0.0	0.0	6.47	Liệt
226	180226	VƯƠNG THỊ KIM LIÊN	Nữ	24/04/2010	8.58	8.48	8.33	8.71	8.53	6.00	3.25	5.50	0.0	0.0	12.88	
227	180227	BIỆN KHÁNH LINH	Nữ	17/10/2010	9.8	9.84	9.86	9.71	9.8	7.50	9.00	9.25	0.0	0.0	20.97	
228	180228	BÙI THỊ THÙY LINH	Nữ	27/03/2010	7.38	8.51	8.56	8.33	8.2	5.50	3.25	6.50	0.0	0.0	13.14	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	180229	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	08/09/2010	7.86	7.71	7.89	8	7.87	5.75	3.00	3.25	0.0	0.0	10.76	
230	180230	NGUYỄN LÊ TRÚC LINH	Nữ	18/11/2010	9.2	9.1	9.36	9.05	9.18	5.75	5.50	5.25	0.0	0.0	14.30	
231	180231	NGUYỄN THỊ BẢO LINH	Nữ	09/02/2010	8.65	8.36	8.15	8.56	8.43	6.75	4.75	4.00	0.0	0.0	13.38	
232	180232	PHAN THỊ PHƯỢNG LOAN	Nữ	29/04/2010	6.93	5.88	6.19	6.69	6.42	3.25	1.00	2.75	0.0	0.0	6.83	
233	180233	HỒ HOÀNG LONG	Nam	08/05/2010	8.2	8.39	8.55	8.13	8.32	6.00	5.50	6.00	0.0	0.0	14.75	
234	180234	HỒ HOÀNG THANH LONG	Nam	28/05/2010	7.8	7.13	6.59	6.71	7.06	1.50	2.25	3.25	0.0	0.0	7.02	
235	180235	HUỖNH PHI LONG	Nam	15/07/2010	9.3	9.4	9.45	9.48	9.41	6.50	7.25	5.50	0.0	0.0	16.30	
236	180236	LƯƠNG QUỐC LONG	Nam	17/07/2009	9.2	8.9	8.8	7.3	8.55	7.25	6.50	4.00	0.0	0.0	14.99	
237	180237	NGUYỄN HOÀNG PHI LONG	Nam	07/07/2010	7.7	7.95	8.23	8.6	8.12	4.25	5.25	5.50	0.0	0.0	12.94	
238	180238	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	20/08/2010	7.13	6.04	6.55	6.5	6.56	4.00	1.75	3.25	0.0	0.0	8.27	
239	180239	VÕ MINH LONG	Nam	16/10/2010	9.05	8.9	9.45	9.28	9.17	6.50	5.75	8.00	0.0	0.0	16.93	
240	180240	ĐOÀN AN LỘC	Nam	28/04/2010	8.44	8.43	8.64	8.28	8.45	7.50	6.50	2.75	0.0	0.0	14.26	
241	180241	LÂM HỮU LỘC	Nam	22/06/2010	8.4	8.73	8.09	7.56	8.2	6.25	6.00	5.25	1.0	0.0	15.71	
242	180242	LÊ HỮU LỘC	Nam	19/07/2010	7.34	7.86	7.68	7.59	7.62	2.50	1.00	3.75	0.0	0.0	7.36	
243	180243	NGUYỄN HOÀI BẢO LỘC	Nữ	20/10/2010	9.11	9.21	9.03	9.21	9.14	6.25	6.50	6.00	0.0	0.0	15.87	
244	180244	TRANG LÊ HỮU LỘC	Nam	11/02/2010	8.35	7.66	8.21	8.36	8.15	5.50	2.50	6.75	1.0	0.0	13.77	
245	180245	TRẦN MAI LY	Nữ	13/03/2010	6.76	7.49	7.95	7.09	7.32	4.50	2.00	5.00	0.0	0.0	10.25	
246	180246	PHAN THỊ NGỌC MAI	Nữ	15/08/2010	6.93	7.85	7.13	7.61	7.38	4.75	1.75	4.00	0.0	0.0	9.56	
247	180247	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	27/12/2010	8.75	8.05	8.24	8.79	8.46	6.25	3.50	3.50	0.0	0.0	11.81	
248	180248	NGUYỄN KHÁC DUY MẠNH	Nam	22/12/2010	5.99	8.09	7.23	6.88	7.05	4.75	5.00	4.75	0.0	0.0	12.27	
249	180249	HỒ QUỐC MINH	Nam	14/03/2010	8.28	8.49	9.09	8.04	8.48	7.25	6.00	4.50	0.0	0.0	14.97	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
250	180250	NGUYỄN VĂN LÊ MINH	Nam	04/04/2010	8.56	7.23	7.39	7.41	7.65	4.50	3.25	3.00	0.0	0.0	9.82	
251	180251	TRẦN NGỌC MINH	Nam	18/11/2010	9.09	8.86	8.35	7.93	8.56	6.00	5.50	6.75	0.0	0.0	15.34	
252	180252	VÕ TRÍ MINH	Nam	04/11/2010	7.99	7.63	7.1	7.94	7.67	4.75	1.75	4.00	0.0	0.0	9.65	
253	180253	CHÂU THỊ TRÀ MY	Nữ	14/12/2010	5.45	6.34	8.03	7.04	6.72	5.50	4.50	3.25	0.0	0.0	11.29	
254	180254	LÊ HẢI MY	Nữ	02/06/2010	9	7.79	7.21	7.15	7.79	4.25	2.00	3.00	0.0	0.0	8.81	
255	180255	LÊ NGUYỄN KHÁNH MY	Nữ	07/05/2010	8.18	8.11	8.24	8.14	8.17	5.50	6.50	7.25	0.0	0.0	15.93	
256	180256	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	25/01/2010	6.73	7.23	7.46	7.55	7.24	2.75	0.00	2.00	0.0	0.0	5.50	Liệt
257	180257	NGUYỄN TRẦN HUYỀN MY	Nữ	09/01/2010	9.23	9.56	9.29	9.44	9.38	5.50	6.00	4.50	0.0	0.0	14.01	
258	180258	PHẠM THỊ NGỌC MY	Nữ	15/08/2010	8.5	8.13	8.25	8.36	8.31	4.75	2.75	5.25	0.0	0.0	11.42	
259	180259	PHẠM THỊ THẢO MY	Nữ	07/09/2009	9.4	8.5	7.6	7.4	8.23	5.50	5.50	5.25	0.0	0.0	13.84	
260	180260	PHẠM TRÀ MY	Nữ	04/06/2010	9.1	8.23	8.51	8.14	8.5	5.25	5.25	6.00	0.0	0.0	14.10	
261	180261	TRẦN NGỌC MY	Nữ	19/01/2010	7.84	7.36	7.74	8	7.74	5.25	3.00	4.25	0.0	0.0	11.07	
262	180262	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG MỸ	Nữ	05/01/2010	8.48	8.54	8.48	8.09	8.4	7.00	5.50	5.25	0.0	0.0	14.95	
263	180263	LÊ HẠO NAM	Nam	03/06/2010	6.73	7.63	7.34	7.01	7.18	5.25	4.25	3.25	0.0	0.0	11.08	
264	180264	NGUYỄN HẠO NAM	Nam	15/09/2010	4.96	6.18	7.9	7.55	6.65	6.00	3.75	3.25	0.0	0.0	11.10	
265	180265	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG NAM	Nam	10/10/2009	5.59	5.66	5.76	5.59	5.65	4.25	4.50	4.00	0.0	0.0	10.62	
266	180266	NGUYỄN LÊ HẢI NAM	Nam	22/02/2010	6.1	5.93	6.63	6.65	6.33	1.25	1.75	4.50	0.0	0.0	7.15	
267	180267	NGUYỄN PHẠM HOÀI NAM	Nam	17/06/2009	5.71	6.6	7.39	6.79	6.62	2.50	3.50	3.00	0.0	0.0	8.29	
268	180268	PHẠM BẢO NAM	Nam	16/02/2010	8.09	7.16	7.38	7.75	7.6	5.25	1.50	5.75	0.0	0.0	11.03	
269	180269	TRẦN HOÀNG NAM	Nam	14/01/2010	7.51	7.33	6.56	7.06	7.12	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.14	Liệt
270	180270	TRIỆU NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	02/01/2010	7.55	8.94	8.33	7.31	8.03	5.25	5.50	3.00	0.0	0.0	12.03	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyên	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
271	180271	LÂM THANH NGÂN	Nữ	30/05/2010	9.2	8.89	8.76	8.59	8.86	7.00	6.50	5.75	0.0	0.0	16.13	
272	180272	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	28/06/2010	8.68	8.54	8.48	8.74	8.61	4.75	4.75	6.50	0.0	0.0	13.78	
273	180273	NGUYỄN GIA NGÂN	Nữ	18/12/2010	8.53	7.26	7.16	6.58	7.38	3.25	1.00	3.50	0.0	0.0	7.64	
274	180274	NGUYỄN HỒNG THIÊN NGÂN	Nữ	20/08/2010	9.13	8.55	8.98	8.99	8.91	6.75	7.50	7.50	0.0	0.0	17.90	
275	180275	NGUYỄN LÊ KIM NGÂN	Nữ	14/01/2010	9.8	9.84	9.75	9.85	9.81	8.75	5.75	8.75	0.0	0.0	19.22	
276	180276	PHẠM ĐỖ KIM NGÂN	Nữ	25/02/2010	9.16	9.21	9.2	8.9	9.12	6.75	6.75	8.25	0.0	0.0	17.96	
277	180277	THÁI KIM NGÂN	Nữ	23/06/2010	8.2	8.7	9.14	9.26	8.83	6.25	5.75	6.75	0.0	0.0	15.77	
278	180278	TRẦN NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	13/02/2010	8.24	7.55	7.94	7.46	7.8	4.00	2.25	3.00	0.0	0.0	8.82	
279	180279	TRẦN ĐÀO KIM NGÂN	Nữ	20/12/2010	7.29	5.83	6.6	6.33	6.51	1.75	1.50	3.25	0.0	0.0	6.50	
280	180280	CAO VĨNH NGHI	Nữ	11/07/2010	7.63	7.98	7.31	7.43	7.59	7.25	2.25	4.50	0.0	0.0	12.08	
281	180281	LÊ NGỌC PHƯƠNG NGHI	Nữ	14/06/2010	8.94	9.13	9.26	9.09	9.11	6.25	8.00	8.50	0.0	0.0	18.66	
282	180282	NGUYỄN ĐÔNG NGHI	Nữ	11/01/2010	8.38	8.4	8.11	8.44	8.33	5.00	2.50	5.50	0.0	0.0	11.60	
283	180283	TÔ VŨ GIA NGHI	Nữ	26/05/2010	5.9	5.46	6.19	5.7	5.81	4.75	1.75	4.00	0.0	0.0	9.09	
284	180284	ĐẶNG CÔNG NGHIỆP	Nam	24/02/2010	8.58	7.96	8.64	8.06	8.31	5.25	2.50	3.00	0.0	0.0	10.02	
285	180285	BÙI HIẾU NGHĨA	Nam	11/04/2010	7.5	7.43	7.75	6.8	7.37	4.75	1.50	3.50	0.0	0.0	9.04	
286	180286	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	18/09/2010	7.44	8.21	7.89	7.98	7.88	4.25	2.50	4.50	0.0	0.0	10.24	
287	180287	TRẦN VĂN NGHĨA	Nam	02/03/2010	7.56	8.16	7.89	7.46	7.77	5.00	3.25	2.75	0.0	0.0	10.03	
288	180288	VŨ DUY NGHĨA	Nam	24/07/2010	6.03	6.8	7.05	6.1	6.5	2.50	4.50	4.75	0.0	0.0	10.18	
289	180289	DƯƠNG HỒNG NGỌC	Nữ	11/02/2010	8.04	7.93	8.29	8.71	8.24	6.50	5.00	3.75	0.0	0.0	13.15	
290	180290	ĐẶNG MINH BẢO NGỌC	Nữ	22/04/2010	8.41	8.51	8.33	8.28	8.38	5.25	4.75	7.50	0.0	0.0	14.76	
291	180291	ĐẶNG NHƯ HỒNG NGỌC	Nữ	22/07/2010	7.49	7.81	7.73	8.3	7.83	6.50	3.75	4.50	0.0	0.0	12.67	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
292	180292	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	04/11/2010	7.94	8.39	8.28	8.33	8.24	4.25	6.00	7.75	0.0	0.0	15.07	
293	180293	LÂM BẢO NGỌC	Nữ	04/09/2010	8.99	9.45	9.36	9.03	9.21	6.75	4.75	7.00	0.0	0.0	15.71	
294	180294	LÊ HỒNG NGỌC	Nữ	08/03/2010	7.83	7.45	7.9	8.61	7.95	5.00	2.75	3.00	0.0	0.0	9.91	
295	180295	LÊ MINH NGỌC	Nữ	10/12/2010	9.59	9.7	9.45	9.18	9.48	6.25	6.00	8.50	0.0	0.0	17.37	
296	180296	LÊ TRẦN TẤN NGỌC	Nam	20/01/2009	5.54	6.46	5.7	6.28	6	2.00	1.00	2.75	0.0	0.0	5.83	
297	180297	NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	Nữ	24/07/2010	7.26	8.25	8.4	7.55	7.87	6.75	4.75	4.75	0.0	0.0	13.74	
298	180298	NGUYỄN VI BẢO NGỌC	Nữ	23/08/2010	7.1	8.54	8.03	6.66	7.58	3.83	1.00	2.75	0.0	0.0	7.58	
299	180299	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG NGỌC	Nữ	06/08/2010	6.63	7.31	7.31	7.4	7.16	4.25	0.00	3.00	0.0	0.0	7.22	Liệt
300	180300	PHAN NHƯ NGỌC	Nữ	27/08/2010	8.6	7.58	8.54	8.55	8.32	6.75	4.50	2.50	0.0	0.0	12.12	
301	180301	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	18/06/2010	9.29	9.1	9.44	9.25	9.27	7.75	6.75	9.25	0.0	0.0	19.41	
302	180302	PHẠM KHÁNH NGỌC	Nữ	13/08/2010	7.79	8.33	8.56	8.49	8.29	6.00	2.50	3.50	0.0	0.0	10.89	
303	180303	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	14/09/2010	7.34	7.55	7.25	6.99	7.28	2.00	2.00	3.00	0.0	0.0	7.08	
304	180304	TRẦN MỸ NGỌC	Nữ	08/11/2010	7.45	8.5	8.46	8.45	8.22	6.75	3.75	5.50	0.0	0.0	13.67	
305	180305	VÕ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	11/02/2010	8.01	8.3	7.7	7.78	7.95	4.00	1.50	3.25	0.0	0.0	8.51	
306	180306	ĐÌNH LÊ NGUYỄN	Nam	26/01/2010	7.01	6.3	6.56	6.44	6.58	3.00	3.75	4.25	0.0	0.0	9.67	
307	180307	NGÔ NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	03/02/2010	7.19	7.59	7.05	6.56	7.1	4.00	2.50	1.75	0.0	0.0	7.91	
308	180308	NGÔ THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	27/12/2010	6.24	6.21	6.7	6.89	6.51	4.00	1.25	1.75	0.0	0.0	6.85	
309	180309	NGUYỄN KỶ THẢO NGUYỄN	Nữ	16/07/2010	8.63	9.19	8.96	8.86	8.91	5.75	3.00	6.75	0.0	0.0	13.52	
310	180310	NGUYỄN LÊ HẢI NGUYỄN	Nam	06/07/2010	7.74	8.84	8.81	8.69	8.52	6.00	6.25	8.75	0.0	0.0	17.26	
311	180311	PHAN NHƯ NGUYỄN	Nữ	03/03/2010	6.75	7.25	7.45	8.13	7.4	3.25	1.00	2.75	0.0	0.0	7.12	
312	180312	TRẦN PHẠM THI NGUYỄN	Nam	16/01/2010	9.15	9.45	9.29	9.53	9.36	7.50	6.00	8.00	0.0	0.0	17.86	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
313	180313	BÙI DƯƠNG TRỌNG NHÂN	Nam	15/11/2010	8.54	6.71	6.2	6.13	6.9	5.00	1.25	4.50	0.0	0.0	9.60	
314	180314	HỒ THANH NHÂN	Nam	03/08/2010	8.15	7.65	7	8.15	7.74	1.50	1.25	3.50	0.0	0.0	6.70	
315	180315	LÂM HIẾU NHÂN	Nữ	23/08/2010	8.2	8.89	8.45	8.36	8.48	5.75	2.25	7.00	1.0	0.0	14.04	
316	180316	NGUYỄN PHÚC NHÂN	Nam	20/05/2010	6.86	7.41	7.64	7.06	7.24	4.75	2.00	2.75	0.0	0.0	8.82	
317	180317	TRẦN THÀNH NHÂN	Nam	22/11/2010	7.94	8.09	7.8	8.01	7.96	4.50	5.75	7.50	0.0	0.0	14.81	
318	180318	ĐINH QUANG NHẬT	Nam	15/04/2010	6.79	6.45	6.48	7.3	6.76	4.92	0.25	2.75	0.0	0.0	7.57	Liệt
319	180319	TRẦN QUANG NHẬT	Nam	18/01/2010	8.34	7.98	8.56	8.28	8.29	5.75	6.50	4.00	0.0	0.0	13.86	
320	180320	BÙI NGỌC YẾN NHI	Nữ	01/06/2010	9.55	9.6	9.71	9.35	9.55	8.00	8.00	9.50	0.0	0.0	20.72	
321	180321	BÙI TRẦN YẾN NHI	Nữ	07/02/2010	7.71	7.16	7.58	7.8	7.56	4.00	3.50	2.50	0.0	0.0	9.27	
322	180322	HỨA THANH NHI	Nữ	26/10/2010	8.21	8.73	8.94	8.8	8.67	7.00	3.75	3.75	1.0	0.0	13.75	
323	180323	LÊ THỊ TUYẾT NHI	Nữ	21/04/2010	6.46	6.89	7.13	7.39	6.97	2.50	0.00	3.50	0.0	0.0	6.29	Liệt
324	180324	LÊ TRẦN BẢO NHI	Nữ	07/08/2010	6.76	7.56	7.36	7.93	7.4	3.25	1.00	3.25	0.0	0.0	7.47	
325	180325	LÊ YẾN NHI	Nữ	28/11/2010	8.41	8.33	8.13	8.13	8.25	6.25	5.50	4.25	0.0	0.0	13.68	
326	180326	LÝ THIÊN NHI	Nữ	07/09/2010	9.65	9.6	9.5	9.36	9.53	6.25	4.00	5.50	0.0	0.0	13.88	
327	180327	NGUYỄN MAI PHƯƠNG NHI	Nữ	31/10/2010	9.76	9.73	9.7	9.64	9.71	8.00	7.25	8.00	0.0	1.5	20.69	
328	180328	NGUYỄN MẪN NHI	Nữ	02/06/2010	7.83	7.06	7.06	6.21	7.04	2.75	2.50	3.00	0.0	0.0	7.89	
329	180329	NGUYỄN NGỌC TÂM NHI	Nữ	11/03/2010	9.5	9.51	9.61	9.29	9.48	8.00	7.00	8.00	0.0	0.0	18.94	
330	180330	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	04/11/2010	7.56	7.84	8.64	8.74	8.2	4.50	4.75	4.25	0.0	0.0	11.91	
331	180331	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	24/09/2010	7.06	7.55	7.66	7.64	7.48	4.75	2.25	3.50	0.0	0.0	9.59	
332	180332	TRẦN NGỌC TUYẾT NHI	Nữ	22/12/2010	8.25	7.49	7.54	8	7.82	5.00	1.50	2.75	0.0	0.0	8.82	
333	180333	TRẦN NGỌC TUYẾT NHI	Nữ	23/12/2010	8.38	7.4	7.91	8.48	8.04	6.00	6.50	2.25	0.0	0.0	12.74	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
334	180334	VÕ HỒNG TUYẾT NHI	Nữ	22/10/2010	9.04	8.64	8.91	8.98	8.89	5.25	4.50	4.50	0.0	0.0	12.64	
335	180335	VÕ KIỀU NHI	Nữ	28/02/2010	9.14	9.34	8.95	8.89	9.08	5.75	4.00	4.25	0.0	0.0	12.52	
336	180336	VÕ THỊ YẾN NHI	Nữ	01/10/2010	8.51	8.39	8.31	8.61	8.46	6.00	6.75	5.75	0.0	0.0	15.49	
337	180337	TRẦN NGUYỄN AN NHIÊN	Nữ	08/04/2010	8.35	8.08	8.11	8.33	8.22	3.75	2.75	7.00	0.0	0.0	11.92	
338	180338	HỒ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	19/01/2010	7.79	8.25	8.8	8.39	8.31	4.75	4.25	4.00	0.0	0.0	11.59	
339	180339	LÊ TỬ HỒNG NHUNG	Nữ	20/04/2010	6.56	7.33	8.38	6.04	7.08	2.50	1.00	2.50	0.0	0.0	6.32	
340	180340	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	15/08/2010	8.18	8.09	8.23	8.34	8.21	3.50	2.50	4.50	0.0	0.0	9.81	
341	180341	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	23/02/2010	5.59	6.51	7.43	6.99	6.63	2.00	1.00	2.75	0.0	0.0	6.01	
342	180342	NGÔ HỒNG BẢO NHƯ	Nữ	06/09/2010	7.93	8.16	8.53	8.48	8.28	4.00	4.25	6.00	0.0	0.0	12.46	
343	180343	NGUYỄN LÂM QUỲNH NHƯ	Nữ	03/09/2010	9.2	9.23	9.21	9.13	9.19	6.25	8.00	8.75	0.0	0.0	18.86	
344	180344	NGUYỄN LÊ SONG NHƯ	Nữ	29/12/2008	7.29	5.84	5.73	6.14	6.25	2.00	2.75	2.75	0.0	0.0	7.13	
345	180345	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	02/03/2010	8.09	7.34	8.14	8.84	8.1	6.00	6.00	5.75	0.0	0.0	14.86	
346	180346	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	05/05/2010	9.18	8.19	8.46	7.7	8.38	3.75	2.00	4.00	0.0	0.0	9.34	
347	180347	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	16/09/2010	6.05	7.36	7.43	7.14	7	4.25	2.75	3.25	0.0	0.0	9.28	
348	180348	NGUYỄN THỊ THANH NHƯ	Nữ	23/08/2010	7.05	7.79	8.08	7.6	7.63	4.00	4.00	3.50	0.0	0.0	10.34	
349	180349	TRẦN TÂM NHƯ	Nữ	13/07/2010	8.99	8.41	8.1	7.63	8.28	5.50	4.75	5.50	0.0	0.0	13.51	
350	180350	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	09/02/2010	8.61	9.03	9.08	9.1	8.96	6.50	8.00	7.00	0.0	0.0	17.74	
351	180351	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	20/06/2010	7.64	7.05	8.04	7.84	7.64	3.75	0.25	3.00	0.0	0.0	7.19	Liệt
352	180352	TRẦN THỊ TỔ NHƯ	Nữ	14/05/2010	8.7	8.24	8.69	8.65	8.57	4.50	2.25	3.00	0.0	0.0	9.40	
353	180353	HUỲNH MINH NHỰT	Nam	05/01/2010	8.06	7.69	8.69	7.98	8.11	4.25	2.50	4.75	0.0	0.0	10.48	
354	180354	NGUYỄN MINH NHỰT	Nam	12/05/2010	6.56	7.08	7.9	7.6	7.29	3.25	2.50	3.25	0.0	0.0	8.49	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
355	180355	VÕ THỊ KIM OANH	Nữ	23/08/2010	7.45	7.46	7.33	7.94	7.55	4.75	1.75	2.75	0.0	0.0	8.74	
356	180356	BÀNH TẤN PHÁT	Nam	25/04/2009	9.2	7.6	8.81	9.26	8.72	5.25	7.25	5.25	0.0	0.0	15.04	
357	180357	CHÂU NHUẬN PHÁT	Nam	20/07/2010	6.18	6.05	6.06	6.05	6.09	2.00	0.00	3.00	0.0	0.0	5.33	Liệt
358	180358	DƯƠNG HỒNG PHÁT	Nam	06/08/2010	7.94	7.33	7.06	7.8	7.53	6.25	3.50	3.25	0.0	0.0	11.36	
359	180359	ĐẶNG MINH PHÁT	Nam	20/08/2010	6.94	6.16	6.68	6.55	6.58	2.75	2.75	5.00	0.0	0.0	9.32	
360	180360	ĐẶNG TẤN PHÁT	Nam	05/03/2010	8.89	8.71	9.04	8.63	8.82	7.00	7.25	5.25	0.0	0.0	16.30	
361	180361	LÂM GIA PHÁT	Nam	22/09/2009	8.4	7.81	8.09	8.34	8.16	2.50	4.00	3.00	0.0	0.0	9.10	
362	180362	LÊ HỮU PHÁT	Nam	23/10/2010	8.84	8.98	8.79	8.24	8.71	6.50	6.25	4.50	0.0	0.0	14.69	
363	180363	LÊ THÔNG PHÁT	Nam	20/05/2010	6.44	5.68	6.28	6.48	6.22	2.00	0.00	3.50	0.0	0.0	5.72	Liệt
364	180364	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	09/11/2010	7.7	6.98	6.9	7.28	7.22	5.00	1.50	4.00	0.0	0.0	9.52	
365	180365	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	13/06/2010	6.5	7.21	7.85	7.16	7.18	3.50	1.75	3.00	0.0	0.0	7.93	
366	180366	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	27/01/2010	6.51	6.73	7.95	8.05	7.31	3.75	4.25	2.25	0.0	0.0	9.37	
367	180367	TRƯƠNG THÀNH PHÁT	Nam	14/05/2010	6.5	5.94	7.54	7.65	6.91	5.25	3.25	3.75	0.0	0.0	10.65	
368	180368	VÕ TẤN PHÁT	Nam	11/04/2010	8.99	9.11	8.49	8.38	8.74	4.75	4.75	7.25	0.0	0.0	14.35	
369	180369	ĐẶNG TIẾN PHONG	Nam	09/12/2009	7.19	6.7	7.31	7.3	7.13	4.75	4.25	3.75	0.0	0.0	11.06	
370	180370	QUÁCH VĂN PHONG	Nam	21/07/2010	8.93	9.13	8.94	8.54	8.89	5.50	6.50	4.50	0.0	0.0	14.22	
371	180371	CHAO PHÚ	Nam	20/07/2009	7.29	7.26	7.04	7.93	7.38	4.25	1.25	3.75	1.0	0.0	9.69	
372	180372	TRƯƠNG HUỲNH HOÀI PHÚ	Nam	12/07/2010	7.54	6.68	7.73	7.85	7.45	5.75	2.25	4.25	0.0	0.0	10.81	
373	180373	DIỆP THANH PHÚC	Nam	27/06/2010	7.48	6.35	5.68	6.15	6.42	2.00	1.00	2.75	0.0	0.0	5.95	
374	180374	NGUYỄN ĐẶNG PHÚC	Nam	27/10/2010	9.4	9.59	9.74	9.76	9.62	5.50	7.25	7.00	0.0	0.0	16.71	
375	180375	NGUYỄN HỮU PHÚC	Nam	01/07/2010	7.26	7.63	7.95	8.63	7.87	5.00	3.75	3.25	0.0	0.0	10.76	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
376	180376	NGUYỄN LÝ AN PHÚC	Nam	27/09/2010	6.6	6.94	7.05	6.58	6.79	3.50	2.25	3.75	0.0	0.0	8.69	
377	180377	PHAN THỊ THANH PHÚC	Nữ	22/06/2010	8.14	8.26	8.31	7.79	8.13	5.00	2.50	4.50	0.0	0.0	10.84	
378	180378	PHẠM HOÀNG PHÚC	Nam	19/12/2010	7.48	7.1	7.64	7.31	7.38	6.00	3.00	3.50	0.0	0.0	10.96	
379	180379	ĐẶNG HOÀNG TIÊU PHỤNG	Nữ	22/03/2010	8.6	8.73	8.5	8.15	8.5	6.50	5.75	4.50	0.0	0.0	14.28	
380	180380	HUỲNH THỊ KIM PHỤNG	Nữ	05/10/2010	6.36	5.65	5.73	6.29	6.01	2.00	0.75	2.50	0.0	0.0	5.48	Liệt
381	180381	LÊ NGỌC PHỤNG	Nữ	26/03/2010	9.14	9.2	9.16	8.51	9	6.75	7.00	8.25	0.0	0.0	18.10	
382	180382	PHAN NGỌC PHỤNG	Nữ	22/10/2010	6.29	6.2	6.34	6.55	6.35	2.25	1.00	3.25	0.0	0.0	6.46	
383	180383	BIỆN NGỌC PHƯƠNG	Nữ	15/05/2009	6.39	5.7	6.03	6.34	6.12	2.75	0.00	3.25	0.0	0.0	6.04	Liệt
384	180384	ĐINH THỊ KIỀU PHƯƠNG	Nữ	23/12/2010	8.14	7.03	7.01	7	7.3	3.50	1.25	2.50	0.0	0.0	7.27	
385	180385	LÊ HỒNG PHƯƠNG	Nữ	10/03/2010	9.48	9.48	9.53	8.75	9.31	8.00	6.50	8.25	0.0	0.0	18.72	
386	180386	NGUYỄN HUỲNH DIỄM PHƯƠNG	Nữ	12/10/2010	8.91	9.25	8.86	8.61	8.91	7.00	7.50	7.50	0.0	0.0	18.07	
387	180387	NGUYỄN LAM PHƯƠNG	Nữ	08/12/2010	8.88	9.04	9.14	9.13	9.05	5.75	3.50	6.00	0.0	0.0	13.39	
388	180388	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	05/02/2010	9.45	9.14	9.5	9.05	9.29	7.25	7.50	8.25	0.0	0.0	18.89	
389	180389	PHẠM THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	02/03/2010	9.31	8.66	8.78	8.98	8.93	6.75	5.00	6.50	0.0	0.0	15.45	
390	180390	TÓNG ĐẶNG BẢO PHƯƠNG	Nữ	02/02/2010	9.29	9.6	9.53	9.46	9.47	8.50	8.25	9.00	0.0	0.0	20.87	
391	180391	TRẦN THU PHƯƠNG	Nữ	23/02/2010	9.4	8.71	8.61	8.9	8.91	7.25	5.00	7.00	0.0	0.0	16.15	
392	180392	TRỊNH THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	21/07/2010	8.29	8.65	9.01	9	8.74	7.25	5.25	3.75	0.0	0.0	14.00	
393	180393	HUỲNH DUY PHƯỚC	Nam	21/04/2010	8.69	8.1	8.44	8.6	8.46	5.25	4.00	6.50	0.0	0.0	13.56	
394	180394	TRẦN PHƯỚC	Nam	05/08/2008	9.19	8.31	8.56	8.28	8.59	6.50	3.25	6.00	0.0	0.0	13.60	
395	180395	TRẦN DUY PHƯỚC	Nam	12/04/2010	7.68	7.86	7.9	7.09	7.63	4.00	1.00	2.75	0.0	0.0	7.71	
396	180396	LẠI HỒ HỒNG PHƯỢNG	Nữ	23/04/2010	8.19	7.41	7.78	7.68	7.77	5.75	2.00	3.00	0.0	0.0	9.86	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
397	180397	NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Nữ	15/07/2010	9.06	9.13	8.86	9.1	9.04	6.25	7.00	7.50	0.0	0.0	17.24	
398	180398	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	Nữ	01/11/2010	8.69	8.89	8.6	8.43	8.65	6.00	4.00	4.00	0.0	0.0	12.40	
399	180399	NGUYỄN ẮN QUANG	Nam	22/01/2010	8.94	8.78	8.79	8.59	8.78	5.50	7.00	8.75	0.0	0.0	17.51	
400	180400	BIỆN HOÀNG QUÂN	Nam	05/11/2010	7.04	8.24	7.68	7.53	7.62	4.75	5.50	4.75	0.0	0.0	12.79	
401	180401	HỒ NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	21/10/2010	9.53	9.59	9.46	9.5	9.52	6.17	8.25	9.00	0.0	0.0	19.25	
402	180402	LÊ MINH QUÂN	Nam	02/09/2010	6.11	6.29	6.65	6.44	6.37	2.25	0.00	2.75	0.0	0.0	5.41	Liệt
403	180403	NGUYỄN HOÀNG TRÚC QUÂN	Nữ	02/02/2010	9.71	9.48	9.45	9.5	9.54	5.50	7.25	5.00	0.0	0.0	15.29	
404	180404	VŨ TẠ QUỐC QUÂN	Nam	12/04/2010	5.96	6.94	6.6	6.29	6.45	3.50	2.75	3.25	0.0	0.0	8.59	
405	180405	PHẠM QUỐC QUI	Nam	10/06/2009	7.19	6.29	6.79	6.56	6.71	1.50	2.50	3.50	0.0	0.0	7.26	
406	180406	BIỆN GIA QUỐC	Nam	02/09/2010	8.73	8.05	8.18	8.26	8.31	5.00	4.25	4.00	0.0	0.0	11.77	
407	180407	LÊ THỊ THẢO QUYÊN	Nữ	09/03/2010	8.19	7.74	7.98	8.38	8.07	5.25	2.25	4.75	0.0	0.0	11.00	
408	180408	NGUYỄN HOÀNG BẢO QUYÊN	Nữ	04/01/2010	9.65	9.61	9.59	9.3	9.54	7.50	9.00	9.25	0.0	0.0	20.89	
409	180409	NGUYỄN PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	24/03/2010	9.39	9.26	9.43	9.63	9.43	7.00	7.75	6.50	0.0	0.0	17.70	
410	180410	HỒ NGỌC QUỲNH	Nữ	02/10/2010	9.23	9.38	9.18	8.79	9.15	7.25	5.00	6.75	0.0	0.0	16.05	
411	180411	LÊ NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	04/01/2010	8.9	9.15	9.38	9.34	9.19	7.25	8.50	9.00	0.0	0.0	20.08	
412	180412	LIÊU NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	06/07/2010	8.64	6.79	6.9	7.38	7.43	3.75	1.75	2.50	0.0	0.0	7.83	
413	180413	NGUYỄN ĐỖ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/12/2010	6.2	6.35	7.11	6.89	6.64	3.75	3.50	3.50	0.0	0.0	9.52	
414	180414	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/01/2010	8.84	9.3	9.41	8.85	9.1	6.75	6.50	5.50	0.0	0.0	15.86	
415	180415	PHAN TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	12/11/2010	8.03	7.85	8.89	8.28	8.26	3.00	2.25	3.00	0.0	0.0	8.25	
416	180416	HỒ NGUYỄN THANH SANG	Nam	26/01/2010	7.94	8.71	8.54	7.73	8.23	6.17	2.50	4.75	0.0	0.0	11.86	
417	180417	NGÔ BẢO SANG	Nam	11/01/2010	7.86	8.38	8.74	8.56	8.39	7.00	6.25	6.00	0.0	0.0	15.99	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
418	180418	NGUYỄN PHÚC SANG	Nam	01/09/2010	7.63	6.9	6.99	7.03	7.14	6.75	2.00	3.50	0.0	0.0	10.72	
419	180419	PHẠM CÔNG SANG	Nam	17/03/2010	9.29	8.95	9.14	8.88	9.07	6.00	3.50	5.25	0.0	0.0	13.05	
420	180420	HỒ LÊ THÀNH TÀI	Nam	26/12/2010	5.5	6.43	6.24	7	6.29	4.25	2.50	4.25	0.0	0.0	9.59	
421	180421	NGUYỄN TRÍ TÀI	Nam	02/07/2010	8.89	8.33	8.84	8.74	8.7	7.00	6.50	5.00	0.0	0.0	15.56	
422	180422	TRANG TUẤN TÀI	Nam	15/09/2010	9.23	9.35	9.25	9.08	9.23	7.75	6.50	8.00	1.0	0.0	19.34	
423	180423	TRẦN VĂN TÀI	Nam	06/01/2010	8.54	9.03	9.15	9.29	9	7.00	7.50	8.50	0.0	0.0	18.80	
424	180424	NGUYỄN THỊ HOÀI TÂM	Nữ	27/03/2010	8.91	9.04	9.36	9.15	9.12	8.00	9.00	7.25	0.0	0.0	19.71	
425	180425	TRẦN XUÂN TÂM	Nữ	07/06/2010	8.96	8.91	9.49	9.26	9.16	7.50	6.00	8.25	0.0	0.0	17.97	
426	180426	VŨ THÁI TÂM	Nam	09/02/2010	7.09	6.96	7	5.98	6.76	2.50	0.00	2.50	0.0	0.0	5.53	Liệt
427	180427	HỒ NHẬT TÂN	Nam	08/04/2010	7.45	7.94	8.48	8.38	8.06	5.58	6.25	1.75	0.0	0.0	11.92	
428	180428	TRẦN MINH TÂN	Nam	16/01/2010	8.05	8.29	8.3	7.88	8.13	6.75	3.75	4.00	0.0	0.0	12.59	
429	180429	PHẠM VĂN TÂN	Nam	25/01/2010	7.66	8.81	8.51	7.71	8.17	6.50	5.75	6.75	0.0	0.0	15.75	
430	180430	MAI QUỐC THANH	Nam	22/04/2010	7.11	7.76	8.55	7.63	7.76	5.50	5.50	3.25	0.0	0.0	12.30	
431	180431	LÊ ĐỨC THÀNH	Nam	13/03/2010	8.71	8.85	9.04	9.06	8.92	7.00	6.75	7.75	0.0	0.0	17.73	
432	180432	NGUYỄN PHẠM NHẬT THÀNH	Nam	29/10/2010	8.58	8.66	8.84	8.34	8.61	7.00	5.75	6.75	0.0	0.0	16.23	
433	180433	LÊ NGUYỄN HOÀNG THÁI	Nam	07/08/2010	5.85	6.34	5.9	6.44	6.13	0.50	0.00	3.00	0.0	0.0	4.29	Liệt
434	180434	LÊ NGUYỄN MINH THÁI	Nam	17/02/2010	8.56	8.19	8.28	7.94	8.24	5.42	6.00	3.00	0.0	0.0	12.57	
435	180435	NGUYỄN HÙNG THÁI	Nam	28/05/2010	8.73	8.86	8.73	8.71	8.76	7.00	6.00	8.25	0.0	0.0	17.50	
436	180436	TRẦN HOÀNG THÁI	Nam	27/09/2010	7.68	7.64	7.98	7.8	7.78	4.25	5.50	5.50	0.0	0.0	13.01	
437	180437	HUỲNH THỊ THẢO	Nữ	26/06/2010	8.2	7.55	8.09	7.59	7.86	2.25	2.25	3.25	0.0	0.0	7.78	
438	180438	NGUYỄN NGỌC THẢO	Nữ	13/07/2010	5.74	7.28	7.4	6.98	6.85	7.25	4.25	4.25	0.0	0.0	13.08	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
439	180439	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/06/2010	8.15	7.73	7.18	7.16	7.56	4.50	0.25	2.25	0.0	0.0	7.17	Liệt
440	180440	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	25/02/2010	9.39	9.2	9.41	9.4	9.35	6.00	6.50	4.25	0.0	0.0	14.53	
441	180441	VÕ NGỌC THẢO	Nữ	20/01/2010	8.58	8.46	8.95	8.84	8.71	5.75	5.50	8.00	0.0	0.0	16.09	
442	180442	NGUYỄN THỊ KIM THẨM	Nữ	16/11/2010	7.85	7.44	7.76	7.29	7.59	4.00	1.75	5.25	0.0	0.0	9.98	
443	180443	BÙI THỊ VĂN THI	Nữ	26/01/2010	6.35	6.9	6.95	6.14	6.59	4.75	5.25	4.25	0.0	0.0	11.95	
444	180444	TRẦN THỊ BẢO THI	Nữ	30/05/2009	6.84	7.19	7	6.16	6.8	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.04	Liệt
445	180445	DƯƠNG CHÍ THIỆN	Nam	27/09/2010	7.66	8.05	7.89	7.15	7.69	5.25	3.00	2.50	0.0	0.0	9.83	
446	180446	LÝ QUỐC THỊNH	Nam	01/02/2010	6.66	6.61	6.64	5.78	6.42	3.00	2.50	3.25	1.0	0.0	9.05	
447	180447	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	Nam	21/11/2010	7.8	7.71	7.86	7.79	7.79	4.00	2.25	3.50	0.0	0.0	9.16	
448	180448	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	Nam	26/09/2010	7.36	7.43	7.24	7.39	7.36	3.00	3.50	3.25	0.0	0.0	9.03	
449	180449	HUỲNH NGỌC THOA	Nữ	01/02/2010	8.58	8.74	8.15	8.24	8.43	2.25	2.00	4.50	0.0	0.0	8.65	
450	180450	LÊ ĐOÀN KIM THOA	Nữ	20/08/2010	7.43	7.14	7.58	7.45	7.4	4.50	2.75	5.75	0.0	0.0	11.32	
451	180451	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	Nam	30/11/2009	5.6	5.75	6.35	6.74	6.11	4.75	2.50	4.25	0.0	0.0	9.88	
452	180452	NGUYỄN THỊ MỸ THUẬN	Nữ	30/10/2009	8.01	8.25	8.18	7.78	8.06	5.50	5.50	5.50	0.0	0.0	13.97	
453	180453	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	19/04/2010	8.55	9.34	8.65	8.63	8.79	4.50	4.25	2.75	0.0	0.0	10.69	
454	180454	ĐẶNG NGUYỄN KỶ THƯ	Nữ	01/07/2010	7.98	7.66	7.48	6.85	7.49	3.75	0.50	4.00	0.0	0.0	8.02	Liệt
455	180455	ĐẶNG THỊ ANH THƯ	Nữ	28/05/2010	7.25	6.86	6.85	6.4	6.84	2.25	0.25	3.00	0.0	0.0	5.90	Liệt
456	180456	NGÔ NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	14/06/2010	8.25	8.41	8.1	7.34	8.03	5.75	5.75	5.25	0.0	0.0	14.13	
457	180457	NGUYỄN ĐOÀN SONG THƯ	Nữ	20/10/2010	8.66	8.94	8.68	8.56	8.71	7.25	4.75	6.25	0.0	0.0	15.39	
458	180458	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	18/03/2010	7.66	7.58	7.48	6.74	7.37	2.00	1.25	2.25	0.0	0.0	6.06	
459	180459	NGUYỄN NGỌC SONG THƯ	Nữ	02/11/2010	8.78	8.78	8.89	9.08	8.88	6.25	7.00	6.50	0.0	0.0	16.49	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
460	180460	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	26/03/2010	8.6	7.65	8.03	8.1	8.1	6.25	3.00	2.75	0.0	0.0	10.83	
461	180461	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	30/01/2010	8.53	9.13	9.56	9.61	9.21	6.75	6.75	6.50	0.0	0.0	16.76	
462	180462	PHẠM THỊ MINH THƯ	Nữ	13/01/2010	7.23	6.3	6.31	6.06	6.48	1.75	1.50	5.25	0.0	0.0	7.89	
463	180463	PHẠM TRẦN HOÀI THƯƠNG	Nữ	07/10/2010	8.49	8.05	8.21	8.08	8.21	4.50	2.75	6.50	0.0	0.0	12.09	
464	180464	TRẦN LÊ HUỖNH THƯƠNG	Nữ	03/04/2010	8.04	6.75	7.11	7.45	7.34	2.75	2.50	3.25	0.0	0.0	8.15	
465	180465	NGUYỄN THANH THY THY	Nữ	17/01/2010	8.55	8.21	8.41	7.99	8.29	6.00	4.00	2.25	0.0	0.0	11.06	
466	180466	BÙI NGỌC THỦY TIÊN	Nữ	04/10/2010	8.79	9.09	9.19	8.66	8.93	5.75	2.50	8.50	0.0	0.0	14.40	
467	180467	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	Nữ	02/01/2010	7.83	7.89	7.91	8.39	8.01	4.50	4.50	4.25	0.0	0.0	11.68	
468	180468	NGUYỄN TRẦN THỦY TIÊN	Nữ	15/07/2010	8.49	8.85	9.14	8.95	8.86	5.00	8.00	5.50	0.0	0.0	15.61	
469	180469	BIỆN CAO TIẾN	Nam	08/11/2010	8.84	8.88	8.9	9.23	8.96	5.00	8.25	5.25	0.0	0.0	15.64	
470	180470	NGUYỄN ANH TIẾN	Nam	09/11/2010	6.5	7.04	7.28	7.63	7.11	4.25	2.50	3.00	0.0	0.0	8.96	
471	180471	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	27/08/2010	8.46	8.65	8.83	8.63	8.64	6.33	3.00	4.75	0.0	0.0	12.45	
472	180472	NGUYỄN NHẬT TIẾN	Nam	18/08/2010	8.21	8.28	7.64	7.9	8.01	5.00	3.50	3.50	0.0	0.0	10.80	
473	180473	HUỖNH HOÀNG TÍNH	Nam	26/03/2010	7.08	7.33	6.95	6.93	7.07	1.00	0.00	3.50	0.0	0.0	5.27	Liệt
474	180474	NGUYỄN DUY TOÀN	Nam	12/03/2010	8.11	7.94	7.39	6.86	7.58	4.00	0.00	2.25	0.0	0.0	6.65	Liệt
475	180475	VÕ VĂN TOÁN	Nam	27/07/2010	6.99	6.08	6.98	7.65	6.93	4.00	2.00	3.75	0.0	0.0	8.90	
476	180476	TRƯƠNG QUỐC TOÀN	Nam	08/09/2010	5.71	5.46	6.43	6.44	6.01	4.00	0.00	1.50	1.0	0.0	6.65	Liệt
477	180477	HUỖNH THÙY TRANG	Nữ	05/01/2010	8.25	8.98	9.06	9.15	8.86	6.00	4.00	4.00	0.0	0.0	12.46	
478	180478	NGÔ THỊ MAI TRANG	Nữ	27/10/2010	7.59	7.54	7.58	8.46	7.79	6.75	5.00	4.00	0.0	0.0	13.36	
479	180479	NGUYỄN NGỌC BẢO TRANG	Nữ	03/01/2010	9.5	9.33	9.14	8.93	9.23	5.75	5.75	5.50	0.0	0.0	14.67	
480	180480	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	22/04/2010	7.44	7.1	6.95	6.14	6.91	5.50	1.50	4.50	0.0	0.0	10.12	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
481	180481	PHẠM SON TRÀ	Nữ	17/12/2010	7.2	7.61	8.23	7.33	7.59	3.00	0.75	3.25	0.0	0.0	7.18	Liệt
482	180482	CHÂU THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	30/05/2010	9.5	9.54	9.33	9.35	9.43	8.00	7.75	6.50	0.0	0.0	18.40	
483	180483	HUỖNH TRÂM	Nữ	06/07/2010	8.08	8.25	8.13	8.44	8.23	6.00	3.00	2.75	0.0	0.0	10.69	
484	180484	NGUYỄN HUỖNH TRÂM	Nữ	07/12/2010	8	7.69	8.31	8.08	8.02	3.50	2.75	3.00	0.0	0.0	8.88	
485	180485	NGUYỄN LÊ QUỲNH TRÂM	Nữ	09/03/2010	8.59	8.4	8.26	7.46	8.18	6.00	1.25	4.25	0.0	0.0	10.50	
486	180486	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	10/11/2010	7.09	6.81	6.89	7.69	7.12	2.50	3.50	3.75	0.0	0.0	8.96	
487	180487	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	28/10/2010	8.31	8.63	9	9.58	8.88	7.25	7.50	7.75	0.0	0.0	18.41	
488	180488	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	Nữ	23/02/2010	7.8	8.58	9.03	8.94	8.59	6.00	5.75	8.25	0.0	0.0	16.58	
489	180489	THỊ NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	07/09/2010	7.96	8.21	8.2	8.11	8.12	4.75	4.00	5.25	0.0	0.0	12.24	
490	180490	TRẦN KIỆU MỸ TRÂM	Nữ	28/05/2010	8.73	8.61	8.71	8.9	8.74	6.50	3.75	5.50	0.0	0.0	13.65	
491	180491	VĂN NGỌC QUỲNH TRÂM	Nữ	07/10/2010	7.51	6.88	6.35	5.84	6.65	2.25	2.00	3.50	0.0	0.0	7.42	
492	180492	BÙI QUÊ TRẦN	Nữ	08/12/2010	6.74	6.46	7.55	8.03	7.2	5.00	2.50	3.00	0.0	0.0	9.51	
493	180493	ĐẶNG NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	23/11/2010	9.14	7.83	8.6	8.51	8.52	5.00	5.50	5.75	0.0	0.0	13.93	
494	180494	TRẦN NGỌC TRÂN	Nữ	16/09/2010	9.05	9.11	9.01	9.39	9.14	8.00	5.75	4.25	0.0	0.0	15.34	
495	180495	VÔ THỊ NGỌC TRÂN	Nữ	07/05/2010	8.39	7.41	8.39	8.03	8.06	4.25	5.50	4.50	0.0	0.0	12.39	
496	180496	LÊ NGỌC TRIỀU	Nam	17/10/2010	9.14	8.81	9.1	8.76	8.95	6.75	3.25	5.00	0.0	0.0	13.19	
497	180497	HỒ NGỌC CAO TRIẾT	Nam	12/09/2010	6.33	5.24	5.31	5.23	5.53	2.25	2.50	3.00	0.0	0.0	7.08	
498	180498	ĐÀO THỊ KIM TRINH	Nữ	07/03/2010	6.35	6.54	6.1	6.75	6.44	2.50	1.25	4.00	0.0	0.0	7.36	
499	180499	ĐẶNG TÚ TRINH	Nữ	12/11/2010	7.1	6.79	7.04	6.55	6.87	3.00	0.75	2.75	0.0	0.0	6.61	Liệt
500	180500	LÊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	19/06/2010	6.85	7.69	7.95	7.89	7.6	6.00	6.25	3.75	0.0	0.0	13.48	
501	180501	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	Nữ	18/01/2010	6.34	6.36	6.98	7.2	6.72	4.00	2.50	3.00	0.0	0.0	8.67	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
502	180502	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	Nữ	05/11/2010	5.69	6.34	6.16	6.49	6.17	5.50	2.25	2.25	0.0	0.0	8.85	
503	180503	LÊ ĐĂNG TRÌNH	Nam	06/12/2010	7.4	7.74	7.71	7.3	7.54	5.50	3.75	2.25	0.0	0.0	10.31	
504	180504	ĐỖ SĨ TRÍ	Nam	16/08/2010	9.41	9.14	9.25	8.68	9.12	7.75	7.00	6.25	0.0	0.0	17.44	
505	180505	BÙI QUANG TRỌNG	Nam	16/12/2010	8.65	8.58	8.59	7.71	8.38	4.25	4.00	4.50	0.0	0.0	11.44	
506	180506	ĐOÀN MINH TRỌNG	Nam	11/12/2010	6.83	7.24	8	7.8	7.47	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.24	Liệt
507	180507	ĐỖ ĐỨC TRỌNG	Nam	18/10/2010	9.25	9.28	9.18	8.76	9.12	5.50	4.00	7.00	0.0	0.0	14.29	
508	180508	KHUU TẤN TRỌNG	Nam	02/01/2010	9.31	8.81	8.98	8.76	8.97	5.75	4.25	5.50	0.0	0.0	13.54	
509	180509	NGUYỄN PHÚC TRỌNG	Nam	31/05/2010	6.7	6.19	6.99	7.15	6.76	3.50	1.00	2.75	0.0	0.0	7.10	
510	180510	NGUYỄN MINH TRUNG	Nam	20/05/2009	7.2	6.64	7.25	7.79	7.22	4.50	0.75	2.25	0.0	0.0	7.42	Liệt
511	180511	LÊ NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	10/10/2010	6.39	7.34	7.16	6.88	6.94	5.25	4.50	2.50	0.0	0.0	10.66	
512	180512	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	Nữ	28/04/2010	7.2	7.29	7.66	7.59	7.44	4.25	3.25	3.75	0.0	0.0	10.11	
513	180513	VÕ HUỖNH XUÂN TRÚC	Nữ	26/12/2010	7.03	7.78	8.11	8.69	7.9	5.50	2.75	2.00	0.0	0.0	9.55	
514	180514	VÕ PHẠM NHẢ TRÚC	Nữ	20/02/2010	8.54	8.73	8.93	8.41	8.65	6.50	2.50	4.50	0.0	0.0	12.05	
515	180515	BÙI CHÂU TẤN TRƯỜNG	Nam	22/12/2010	8.71	7.58	7.58	7.98	7.96	4.00	5.00	3.25	0.0	0.0	10.96	
516	180516	HỒ NHẬT TRƯỜNG	Nam	23/05/2010	6.84	5.94	6.8	7.01	6.65	2.00	1.25	1.75	0.0	0.0	5.50	
517	180517	PHAN NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	Nam	02/06/2010	7.73	5.98	7.39	7.3	7.1	3.50	0.25	3.50	0.0	0.0	7.21	Liệt
518	180518	BÙI GIA TRƯỜNG	Nam	11/02/2010	6.34	5.86	5.76	5.99	5.99	2.50	0.00	3.00	0.0	0.0	5.65	Liệt
519	180519	NGUYỄN NAM TRÚC	Nam	01/11/2010	7.38	6.45	6.39	7.2	6.86	5.25	3.00	3.25	0.0	0.0	10.11	
520	180520	HOÀNG ANH TUẤN	Nam	03/03/2010	9.23	8.56	8.64	8.69	8.78	6.50	5.50	5.25	0.0	0.0	14.71	
521	180521	LÊ TRẦN ANH TUẤN	Nam	24/11/2010	5.85	6.34	7.15	6.54	6.47	2.50	0.00	1.75	0.0	0.0	4.92	Liệt
522	180522	LƯƠNG THANH TUẤN	Nam	02/12/2010	8.66	7.69	7.83	8.4	8.15	4.25	4.50	4.00	0.0	0.0	11.37	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
523	180523	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	23/08/2010	8.01	7.38	7.86	7.84	7.77	3.75	2.75	4.00	0.0	0.0	9.68	
524	180524	PHAN ANH TUẤN	Nam	16/05/2010	6.58	6.78	6.93	7.25	6.89	4.50	1.50	3.50	0.0	0.0	8.72	
525	180525	TRẦN ANH TUẤN	Nam	18/09/2010	6.95	6.65	8.23	8.51	7.59	2.50	2.25	3.75	0.0	0.0	8.23	
526	180526	ĐẶNG NGỌC BÍCH TUYỀN	Nữ	22/01/2010	6.03	6.06	6.59	6.4	6.27	4.75	3.00	3.50	0.0	0.0	9.76	
527	180527	ĐỖ NGỌC TUYỀN	Nữ	05/07/2010	8.03	8.4	8.06	7.06	7.89	6.50	4.75	3.00	0.0	0.0	12.34	
528	180528	NGUYỄN LÂM TUYỀN	Nữ	02/01/2010	9.56	8.65	9.36	8.68	9.06	7.50	4.00	3.00	0.0	0.0	12.87	
529	180529	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	18/11/2010	8.35	8.91	9.1	8.55	8.73	5.25	2.25	4.00	0.0	0.0	10.67	
530	180530	PHẠM VŨ NGỌC TUYỀN	Nữ	01/12/2010	9.56	9.25	9.49	9.55	9.46	7.50	6.25	7.75	0.0	0.0	17.89	
531	180531	BIỆN THANH TÙNG	Nam	04/07/2010	8.09	7.36	7.03	6.64	7.28	2.75	0.75	4.50	0.0	0.0	7.78	Liệt
532	180532	LÂM ANH TÚ	Nam	05/09/2010	8.63	9.01	9.04	8.81	8.87	7.25	6.50	7.50	0.0	0.0	17.54	
533	180533	NGUYỄN MINH TÚ	Nữ	09/09/2010	9.43	9.15	9.54	9.55	9.42	7.00	7.75	6.25	0.0	0.0	17.53	
534	180534	NGUYỄN MINH TÚ	Nam	22/10/2010	6.31	6.85	6.93	7.53	6.91	5.00	1.25	2.00	0.0	0.0	7.85	
535	180535	NGUYỄN THÀNH CHÍ TÚ	Nam	09/11/2010	7.96	8.59	8.3	7.41	8.07	6.50	5.00	2.75	0.0	0.0	12.40	
536	180536	PHẠM HỒNG CẨM TÚ	Nữ	20/08/2010	5.94	6.31	7.53	7.8	6.9	4.75	1.50	3.00	0.0	0.0	8.55	
537	180537	NGUYỄN PHƯƠNG CÁT TƯỜNG	Nữ	05/07/2010	9.51	9.4	9.21	9.38	9.38	7.50	6.00	9.00	0.0	0.0	18.56	
538	180538	TRẦN CÁT TƯỜNG	Nữ	21/02/2010	9.58	9.49	8.83	8.46	9.09	6.25	4.50	5.75	0.0	0.0	14.28	
539	180539	ĐẶNG THỊ TÚ UYÊN	Nữ	09/02/2010	6.55	6.36	6.68	6.3	6.47	5.00	3.25	2.50	0.0	0.0	9.47	
540	180540	NGUYỄN MỸ UYÊN	Nữ	20/08/2010	7.05	6.71	8.4	8.66	7.71	5.25	2.75	3.00	0.0	0.0	10.01	
541	180541	NGUYỄN THỊ PHÚC UYÊN	Nữ	18/01/2010	9.34	9.11	9.58	9.75	9.45	7.00	7.25	6.75	0.0	0.0	17.54	
542	180542	PHẠM NGỌC THẢO UYÊN	Nữ	25/12/2010	8.61	9.06	8.73	8.86	8.82	7.75	7.50	7.75	0.0	0.0	18.75	
543	180543	PHẠM UYÊN UYÊN	Nữ	03/12/2010	7.05	6.7	7.78	7.89	7.36	2.75	2.00	2.75	1.0	0.0	8.46	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
544	180544	TRẦN DUY UYÊN	Nữ	15/05/2010	7.41	7.96	8.11	7.95	7.86	7.17	6.50	5.75	0.0	0.0	15.95	
545	180545	LÊ NGUYỄN KHÁNH VÂN	Nữ	18/03/2010	8.91	9.09	9.28	9.18	9.12	4.25	5.75	6.00	0.0	0.0	13.94	
546	180546	ĐẶNG NGỌC MỸ VI	Nữ	09/02/2010	8.66	8.85	9.26	9.44	9.05	7.00	6.25	7.75	0.0	0.0	17.42	
547	180547	HUỖNH YẾN VI	Nữ	16/09/2009	6.34	6.84	6.99	7.26	6.86	4.08	1.50	1.75	0.0	0.0	7.19	
548	180548	TẠ LÊ TƯỜNG VI	Nữ	02/09/2010	7.58	7.63	8.23	8	7.86	7.00	2.50	2.00	0.0	0.0	10.41	
549	180549	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	04/11/2010	7.55	6.58	7.05	8.13	7.33	6.50	6.00	3.75	0.0	0.0	13.57	
550	180550	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	13/07/2010	8.91	9	8.65	8.5	8.77	6.00	4.75	6.75	0.0	0.0	14.88	
551	180551	NGUYỄN CÔNG VINH	Nam	26/02/2010	9.4	9.76	9.75	9.81	9.68	6.50	6.75	7.75	0.0	0.0	17.60	
552	180552	NGUYỄN TIẾN VINH	Nam	27/07/2010	9.44	9.54	9.88	9.69	9.64	8.00	8.25	10.00	0.0	0.5	21.77	
553	180553	TRẦN THẾ VINH	Nam	04/11/2010	8.78	7.83	8.1	8.14	8.21	5.25	5.25	5.00	0.0	0.0	13.31	
554	180554	ĐÀO LÊ BẢO VY	Nữ	06/12/2010	8.48	8.73	8.96	9.08	8.81	6.00	5.50	7.00	0.0	0.0	15.59	
555	180555	ĐẶNG THẢO VY	Nữ	12/08/2010	8.63	9.25	9.36	8.78	9.01	7.50	6.25	4.50	0.0	0.0	15.48	
556	180556	ĐẶNG THỊ KHÁNH VY	Nữ	06/07/2010	8.76	9.35	9.53	9.3	9.24	4.58	5.25	7.75	0.0	0.0	15.08	
557	180557	HÀ THÚY VY	Nữ	02/01/2010	8	8.53	8.2	8.59	8.33	4.25	2.75	4.75	0.0	0.0	10.72	
558	180558	LÀM ÁI VY	Nữ	07/06/2010	7.86	8.01	8.06	8.36	8.07	4.50	2.25	3.50	1.0	0.0	10.60	
559	180559	NGÔ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	29/04/2010	8.85	8.76	8.68	8.49	8.7	6.50	3.75	5.75	0.0	0.0	13.81	
560	180560	NGUYỄN HỒ TRÚC VY	Nữ	19/03/2010	8.06	8.88	9.48	9.53	8.99	7.00	5.50	7.75	0.0	0.0	16.87	
561	180561	NGUYỄN MINH VY	Nữ	12/02/2010	8.91	9.13	8.89	8	8.73	7.75	5.75	7.00	0.0	0.0	16.97	
562	180562	NGUYỄN NGỌC THANH VY	Nữ	06/12/2010	6.26	7.64	8.89	8.69	7.87	5.25	4.00	4.75	0.0	0.0	12.16	
563	180563	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	01/10/2010	7.36	7.25	7.43	7.25	7.32	6.25	4.75	3.50	0.0	0.0	12.35	
564	180564	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	24/10/2010	5.74	6.13	6.91	6.6	6.35	5.00	3.00	3.00	0.0	0.0	9.61	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
565	180565	NGUYỄN NHẬT TƯỜNG VY	Nữ	04/01/2010	9.45	8.96	9.24	8.64	9.07	7.00	3.00	5.00	0.0	0.0	13.22	
566	180566	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG VY	Nữ	04/10/2010	8	8.01	8.34	9	8.34	7.00	4.75	5.50	0.0	0.0	14.58	
567	180567	NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	12/03/2010	8.88	8.79	8.89	8.91	8.87	6.00	4.00	6.00	0.0	0.0	13.86	
568	180568	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	Nữ	24/11/2010	8.18	8.84	8.91	8.26	8.55	5.00	4.75	4.25	0.0	0.0	12.37	
569	180569	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	13/08/2010	9.13	8.99	8.63	9.2	8.99	6.75	6.25	8.50	0.0	0.0	17.75	
570	180570	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	22/04/2010	8.24	8.88	9.06	8.49	8.67	7.25	5.50	3.25	0.0	0.0	13.80	
571	180571	PHẠM THẢO VY	Nữ	10/08/2010	6.29	7.03	7.03	6.76	6.78	5.00	1.00	3.25	0.0	0.0	8.51	
572	180572	PHẠM THỊ KHÁNH VY	Nữ	03/12/2010	7.01	7.75	7.39	7.23	7.35	4.75	0.00	3.50	0.0	0.0	7.98	Liệt
573	180573	TRANG PHƯƠNG YẾN VY	Nữ	01/12/2010	7.56	6.38	7.13	6.99	7.02	5.00	3.50	4.25	0.0	0.0	11.03	
574	180574	TRẦN KHÁNH VY	Nữ	15/11/2010	7.79	7.73	8.16	8.09	7.94	4.50	4.50	2.75	0.0	0.0	10.61	
575	180575	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	Nữ	07/10/2010	7.34	8.59	7.83	7.06	7.71	5.50	5.00	3.00	0.0	0.0	11.76	
576	180576	TRỊNH THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	01/06/2010	6.9	6.69	7.38	6.89	6.97	4.75	5.25	3.50	0.0	0.0	11.54	
577	180577	TRƯƠNG NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	10/03/2010	8.7	9.11	9.46	9.61	9.22	7.00	7.50	9.00	0.0	0.0	19.22	
578	180578	VÕ NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	20/10/2010	7.94	7.36	7.79	7.81	7.73	4.25	5.25	3.25	0.0	0.0	11.24	
579	180579	VÕ THỊ THẢO VY	Nữ	22/07/2010	6.38	6.31	6.5	6.1	6.32	4.50	0.50	4.75	0.0	0.0	8.72	Liệt
580	180580	NGUYỄN THỊ KIM XUÂN	Nữ	11/08/2010	8.28	8.31	8.39	7.34	8.08	5.00	3.50	4.50	0.0	0.0	11.52	
581	180581	ĐOÀN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	15/06/2010	8.18	8.1	6.76	7.19	7.56	4.25	0.00	3.75	0.0	0.0	7.87	Liệt
582	180582	NGUYỄN VÕ HOÀNG YẾN	Nữ	27/01/2010	8.85	9.14	9.39	9.04	9.11	7.25	7.00	8.25	0.0	0.0	18.48	
583	180583	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	19/04/2010	9.01	8.59	8.75	8.55	8.73	6.25	5.50	4.25	0.0	0.0	13.82	
584	180584	TRẦN THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	17/09/2010	8.53	8.86	8.55	8.18	8.53	6.25	5.75	7.00	0.0	0.0	15.86	
585	180585	BÙI NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	02/03/2010	7.49	7.78	8.19	7.94	7.85	4.00	3.25	2.50	0.0	0.0	9.18	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
586	180586	ĐẶNG THÀNH NHƯ Ý	Nữ	08/02/2010	9.78	9.81	9.75	9.8	9.79	8.25	8.50	9.00	0.0	0.0	20.96	
587	180587	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	22/08/2010	7	7.83	7.78	7.55	7.54	6.25	5.50	3.00	0.0	0.0	12.59	
588	180588	PHẠM HUỠNH NHƯ Ý	Nữ	21/09/2010	7.95	8.13	8.15	7.51	7.94	6.75	5.25	2.25	0.0	0.0	12.36	

Danh sách này có 588 thí sinh/

Cán bộ in



Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm



Võ Thùy Trang

Tây Ninh ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng